

QUỸ ETF MAFM VN30

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số.: 2/0/2023/CV-MAFM

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/To: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM/ *Ho Chi Minh City Stock Exchange*

- Tên Công ty Quản lý Quỹ/Name of FMC: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)
 - Tên Quỹ ETF niêm yết/Name of ETF: **Quỹ ETF MAFM VN30**
 - Mã chứng khoán/Stock code: **FUEMAV30**
 - Địa chỉ trụ sở chính/Address: Tầng 38, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Khu E6, Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
 - Điện thoại/Tel: +84 24 3564 0666 Fax: +84 24 3564 0555
 - Email: mafmc@miraeasset.com website: <http://www.fundmanagement-miraeasset.com.vn/>
- Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:**
Công bố thông tin tài liệu Đại hội Nhà đầu tư Thường niên tổ chức năm 2023 theo hình thức họp trực tiếp của quỹ **ETF MAFM VN30 (mã chứng khoán: FUEMAV30)** / *Disclosure of the meeting documents of the Annual Investors General Meeting holding in 2023 in form of physical meeting for MAFM VN30 ETF (stock code: FUEMAV30)*
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/ Quỹ vào ngày 29 tháng 03 năm 2023 tại đường dẫn: <http://fundmanagement-miraeasset.com.vn/blogs/tin-tuc-quy-etf-mafm-vn30/> / *This information was published on the company's/the Fund's website on 29 March 2023, as in the link: http://fundmanagement-miraeasset.com.vn/blogs/tin-tuc-quy-etf-mafm-vn30/*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./ *We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Tài liệu đính kèm/ Attachment:
Tài liệu đại hội/ *AGM's documents*

Người công bố thông tin/ Publisher
Chủ tịch công ty kiêm đại diện pháp luật/Chairman
- *Legal Representative*



THÔNG BÁO

V/v: Đại hội Nhà Đầu tư thường niên tổ chức năm 2023

QUỸ ETF MAFM VN30 (FUEMAV30)

Căn cứ vào Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Quỹ ETF MAFM VN30, quỹ ETF MAFM VN30 xin trân trọng thông báo đến Quý nhà đầu tư về việc tổ chức Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên tổ chức năm 2023 thông qua hình thức họp trực tiếp.

Bằng văn bản này, Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) kính mời Quý nhà đầu tư tham gia họp Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên tổ chức năm 2023 của Quỹ ETF MAFM VN30.

ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN TỔ CHỨC NĂM 2023

Thời gian: 14h00, Thứ Năm, ngày 27/04/2023

Địa điểm: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)

Tầng 38, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Khu E6, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Hình thức tham dự: Họp trực tiếp tại Đại hội, hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội.

Chương trình Đại hội, mẫu Giấy ủy quyền tham dự Đại hội và các Tài liệu đại hội của Quỹ được đăng tải tại phần **Quan hệ nhà đầu tư – Tin hoạt động quỹ** trên trang thông tin điện tử của Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) theo địa chỉ <https://fundmanagement-miraeasset.com.vn/blogs/tin-tuc-quy-etf-mafm-vn30>

Điều kiện tham dự đại hội:

Nhà đầu tư có quyền tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên năm 2023 là những nhà đầu tư có tên trong danh sách nhà đầu tư chốt ngày 27/03/2023.

Xác nhận tham dự:

Nhà Đầu Tư đến tham dự Đại Hội vui lòng xác nhận việc tham dự Đại Hội qua email: mafmc_ops@miraeasset.com trước ngày 25/04/2023.

Ủy quyền tham dự:

Quý Nhà đầu tư không thể tham dự Đại hội, vui lòng ủy quyền cho người khác bằng cách điền vào mẫu Giấy ủy quyền (được gửi kèm trong thư mời Đại hội) và fax về Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) theo số 024 3564 0555 trước 15h00 ngày 25/04/2023, sau đó gửi bản gốc về Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam). Người được ủy quyền phải xuất trình kèm CMND/CCCD khi tham dự đại hội. Người nhận ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba.

Mọi thắc mắc, ý kiến đóng góp về nội dung chương trình đại hội hoặc thông tin khác, Quý nhà đầu tư vui lòng gửi văn bản đến Trụ sở chính Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) trước 17h30 ngày 25/04/2023 theo địa chỉ:



Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)

Tầng 38, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Khu E6, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường
Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Điện thoại: 024 3564 0666

Fax: 024 3564 0555

Trân trọng,

TM. CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ
MIRAE ASSET (VIỆT NAM)



HUU HONG SUK
Chủ tịch Công ty



CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN TỔ CHỨC NĂM 2023

QUỸ ETF MAFM VN30 (FUEMAV30)



A. Thời gian tổ chức

Thời gian: 14h00, Thứ Năm, ngày 27/04/2023

Địa điểm: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)

Tầng 38, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Khu E6, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Hình thức tham dự: Họp trực tiếp tại Đại hội, hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội.

B. Nội dung chương trình

Phần 1: Chào đón khách và khai mạc

- Chào đón Khách.
- Báo cáo tỷ lệ nhà đầu tư tham dự Đại hội.
- Thông qua Chương trình đại hội.
- Thông qua Chủ tọa đoàn, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu.
- Phát biểu khai mạc.

Phần 2: Trình bày các vấn đề cần lấy ý kiến biểu quyết và biểu quyết

- Trình bày Báo cáo kết quả hoạt động của Quỹ năm 2022 và chiến lược đầu tư của Quỹ năm 2023
- Trình bày Báo cáo tổng kết của Ngân hàng giám sát năm 2022
- Trình bày Báo cáo tình hình hoạt động của Ban đại diện Quỹ năm 2022
- Trình bày Quy chế biểu quyết tại Đại hội, Nhà đầu tư thông qua Quy chế biểu quyết
- Xin ý kiến phê duyệt các nội dung sau:
 - Thông qua báo cáo kết quả hoạt động của Quỹ năm 2022 và chiến lược đầu tư của Quỹ năm 2023
 - Thông qua báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán của Quỹ
 - Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 của Quỹ
 - Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán cho Quỹ năm 2023
 - Thông qua thù lao và ngân sách hoạt động năm 2023 của Ban Đại Diện Quỹ

Phần 3: Thông qua Biên bản Đại hội và Nghị quyết Đại hội.

Phần 4: Bế mạc Đại hội.

C. Tài liệu Đại hội

Tài liệu đại hội của Quỹ được đăng tải tại phần Quan hệ nhà đầu tư – Tin hoạt động quỹ trên trang thông tin điện tử của Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) theo địa chỉ:

<https://fundmanagement-miraeasset.com.vn/blogs/tin-tuc-quy-etf-mafm-vn30>

TÀI LIỆU HỌP ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN TỔ CHỨC NĂM 2023

QUỸ ETF MAFM VN30

1. Báo cáo tổng kết của Ngân hàng Giám sát trong năm 2022
2. Báo cáo tình hình hoạt động của Ban Đại diện Quỹ năm 2022
3. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 của Quỹ
4. Tờ trình các vấn đề xin ý kiến Nhà Đầu Tư tại Đại hội Nhà Đầu Tư thường niên năm 2023
5. Dự thảo Quy Chế Biểu Quyết
6. Mẫu Phiếu Biểu Quyết
7. Mẫu Giấy Ủy Quyền tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư
8. Dự thảo Nghị Quyết Đại Hội Nhà Đầu Tư

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

BÁO CÁO GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ HOÁN ĐỔI DANH MỤC

QUỸ ETF MAFM VN30 - NĂM 2022

- Kính gửi: - Đại hội nhà đầu tư Quỹ ETF MAFM VN30
- Ban đại diện Quỹ
- Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)

Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam là ngân hàng giám sát của Quỹ ETF MAFM VN30 (“Quỹ”) xin báo cáo đến Đại hội nhà đầu tư về việc cung cấp dịch vụ lưu ký và giám sát đối với Quỹ như sau:

1. Tóm tắt các thông tin chung về Quỹ

Tên quỹ: Quỹ ETF MAFM VN30.

Tên viết tắt: MAFM VN30.

Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ số: 46/GCN-UBCK cấp ngày 29 tháng 10 năm 2020.

Địa chỉ liên hệ: Tầng 38, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Khu E6, Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Giá trị tài sản ròng của Quỹ dựa theo Báo cáo về thay đổi giá trị tài sản ròng tại ngày 31/12/2022 như sau:

- Giá trị tài sản ròng của Quỹ: 332,224,553,382 VND.
- Giá trị tài sản ròng của một lô chứng chỉ quỹ: 1,182,293,784 VND.
- Giá trị tài sản ròng của một chứng chỉ quỹ: 11,822.93 VND.

2. Báo cáo về việc giám sát hoạt động quản lý Quỹ của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) (“CTQLQ”) đối với Quỹ ETF MAFM VN30

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, CTQLQ đã thực hiện việc lập báo cáo định kỳ theo đúng quy định, cung cấp đầy đủ các chứng từ liên quan đến giao dịch tài sản mà Quỹ đã thực hiện cho Ngân hàng giám sát.

Trong quá trình thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát đối với Quỹ, Ngân hàng ghi nhận một số nội dung sau:

2.1. Họp đại hội nhà đầu tư năm 2022

Ngày 19/04/2022, Quỹ đã tổ chức Đại hội Nhà đầu tư thường niên, theo đó Đại hội đã thông qua các nội dung sau:

- Thông qua báo cáo tình hình hoạt động năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022 của Quỹ.
- Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 của Quỹ.
- Thông qua phương án không phân phối lợi nhuận của Quỹ năm 2021.
- Thông qua việc Đại hội Nhà đầu tư ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ lựa chọn tổ chức kiểm toán thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của Quỹ trong danh sách các công ty kiểm toán do Công ty TNHH Quản lý quỹ Mirae Asset (Việt Nam) đề xuất, đáp ứng tiêu chuẩn của Điều Lệ Quỹ và có mức phí cạnh tranh.
- Thông qua ngân sách hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ năm 2022, theo đó giữ nguyên mức thù lao và mức ngân sách hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ theo mức được phê duyệt năm 2021.

2.2. Cuộc họp của Ban đại diện theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ

Trong năm 2022, CTQLQ đã tổ chức đầy đủ các cuộc họp định kỳ hàng quý của Ban Đại Diện Quỹ. Đồng thời, CTQLQ đã tổ chức họp Ban đại diện Quỹ bất thường thông qua các nội dung sau:

- Phê duyệt kế hoạch họp Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên tổ chức năm 2022 của Quỹ ETF MAFM VN30;
- Phê duyệt lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 cho Quỹ ETF MAFM VN30;
- Phê duyệt phương thức định giá cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch đối với cổ phiếu của Công ty Cổ phần Xây dựng FLC Faros (mã chứng khoán: ROS);
- Phê duyệt phương thức định giá cổ phiếu bị hủy niêm yết đối với cổ phiếu của Công ty Cổ phần Xây dựng FLC Faros (mã chứng khoán: ROS).

2.3. Hoạt động đầu tư và giao dịch tài sản của Quỹ.

Trong kỳ báo cáo từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong kỳ báo cáo này, Quỹ ETF MAFM VN30 đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) (“CTQLQ”) đã tuân thủ các hạn chế đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ đầu tư chứng khoán, Điều lệ Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.
- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ ETF MAFM VN30 đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Đánh giá hoạt động chào bán, phát hành, mua lại chứng chỉ quỹ.
Công ty quản lý quỹ đã tuân thủ các quy định về hoạt động hoán đổi, hoán đổi lại chứng chỉ quỹ như đề cập trong Điều lệ Quỹ và các văn bản pháp luật có liên quan. Ngân hàng Giám sát chỉ lưu ý việc thanh toán tiền chênh lệch liên quan đến hoạt động hoán đổi lại chứng chỉ quỹ chưa đúng với thời hạn quy định trong Bản cáo bạch, tuy nhiên quỹ đã hoàn tất nghĩa vụ theo thỏa thuận với thành viên lập quỹ vào ngày làm việc liền sau đó.
- d) Các nội dung liên quan đến phân phối lợi nhuận của Quỹ ETF MAFM VN30 phát sinh trong kỳ báo cáo: không có.

3. Báo cáo về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát, Lưu ký

Với tư cách là Ngân hàng giám sát của Quỹ, Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ trong việc cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký chứng khoán, dịch vụ quản lý tài sản của Quỹ, thể hiện một số nội dung như sau:

- Thực hiện việc lưu ký các tài sản của Quỹ an toàn, đồng thời quản lý tách biệt tài sản Quỹ với tài sản của CTQLQ, những tài sản của các Quỹ khác của cùng một công ty quản lý, những tài sản của những khách hàng khác của Ngân hàng giám sát và những tài sản của Ngân hàng giám sát.
- Việc chuyển giao tài sản của quỹ trong hoạt động đầu tư, thoái vốn đầu tư chỉ được thực hiện theo chỉ thị bằng văn bản của công ty quản lý quỹ theo đúng quy định tại hợp đồng lưu ký, hợp đồng giám sát.
- Việc thanh toán các giao dịch chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch phải tuân thủ các nguyên tắc giao dịch chứng khoán đồng thời với thanh toán tiền và các nguyên tắc bù trừ, thanh toán theo quy định của pháp luật. Việc thanh toán các giao dịch tài sản khác thì phải thực hiện theo lệnh, chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ và các quy định pháp luật khác nếu có liên quan. Mọi giao dịch chuyển khoản, thanh toán tiền, chuyển giao tài sản đều phải thực hiện đúng đến các đối tác giao dịch của quỹ, các tài khoản của quỹ. Giá trị thanh toán phải phù hợp với khối lượng tài sản, giá giao dịch và đúng với số tiền ghi trong các chứng từ thanh toán.
- Thực hiện đầy đủ và kịp thời các chỉ thị hợp pháp của CTQLQ đối với các giao dịch của Quỹ, và nghĩa vụ liên quan đến quyền sở hữu tài sản của Quỹ.

- Thực hiện kiểm tra và xác nhận đối với các báo cáo liên quan tài sản của Quỹ do CTQLQ lập, bảo đảm khối lượng tài sản trong báo cáo là đúng, đầy đủ và chính xác với thực trạng tài sản lưu ký tại ngân hàng.
- Thực hiện báo cáo và quản lý hồ sơ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Hợp đồng dịch vụ Lưu ký và Giám sát Quỹ.
- Thực hiện hoạt động giám sát hoạt động của CTQLQ trong việc quản lý tài sản Quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ.

Báo cáo Giám sát hoạt động của Quỹ hoán đổi danh mục được dựa trên các thông tin, tài liệu và dữ liệu được cung cấp bởi CTQLQ. Báo cáo này không bao gồm các vấn đề và các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của Ngân hàng giám sát do các thông tin bị che giấu hoặc được cung cấp không chính xác bởi Công ty Quản lý Quỹ.

TP. HCM, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Đại diện Ngân hàng Giám sát



Jung Hyun Su

Giám đốc Phòng Dịch vụ Chứng khoán



**QUỸ ETF MAFM VN30
BAN ĐẠI DIỆN QUỸ**

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐẠI DIỆN

QUỸ ETF MAFM VN30 (FUEMAV30)

Kính gửi: Đại Hội Nhà Đầu Tư Quỹ ETF MAFM VN30

Ban Đại Diện Quỹ ETF MAFM VN30 xin báo cáo tình hình hoạt động của Ban Đại Diện trong năm 2022 như sau:

1. Cơ cấu Ban Đại Diện Quỹ:

Thành phần Ban Đại Diện Quỹ bao gồm:

- Ông Bùi Nam Giang – Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ
- Bà Lê Thị Hương – Thành viên độc lập Ban Đại Diện Quỹ;
- Bà Trần Thái Phương Diệp – Thành viên Ban Đại Diện Quỹ.

Cơ cấu của Ban Đại Diện Quỹ đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Điều lệ Quỹ MAGEF, cụ thể:

- Trong Ban Đại diện Quỹ có 3 thành viên, trong đó có 2/3 thành viên là thành viên độc lập, đáp ứng tiêu chuẩn về cơ cấu thành viên Ban Đại Diện quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ.
- Thành viên Ban Đại Diện Quỹ đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2, Điều 25 Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật.
- Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ đáp ứng đủ tiêu chuẩn là thành viên độc lập theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Điều lệ Quỹ.

2. Hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ trong năm 2022:

Căn cứ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, trong năm 2022 Ban Đại Diện Quỹ ETF MAFM VN30 đã họp định kỳ mỗi quý một lần và các trường hợp họp bất thường theo đề xuất của Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam), cụ thể như sau:

Họp định kỳ:

- Ngày 13/04/2022, Ban Đại diện Quỹ tổ chức họp định kỳ quý I 2022;
- Ngày 08/07/2022, Ban Đại diện Quỹ tổ chức họp định kỳ quý II 2022;
- Ngày 10/10/2022, Ban Đại diện Quỹ tổ chức họp định kỳ quý III 2022;
- Ngày 10/01/2023, Ban Đại diện Quỹ tổ chức họp định kỳ quý IV 2022.

Họp bất thường:

- Ngày 22/02/2022, Ban Đại diện Quỹ họp phê duyệt kế hoạch họp Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên tổ chức năm 2022 của Quỹ ETF MAFM VN30;
- Ngày 28/06/2022, Ban Đại diện Quỹ họp phê duyệt lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 cho Quỹ ETF MAFM VN30;
- Ngày 12/08/2022, Ban Đại Diện Quỹ họp phê duyệt phương thức định giá cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch đối với cổ phiếu của Công ty Cổ phần Xây dựng FLC Faros (mã chứng khoán: ROS);

- Ngày 26/08/2022, Ban Đại Diện Quỹ hợp phê duyệt phương thức định giá cổ phiếu bị hủy niêm yết đối với cổ phiếu của Công ty Cổ phần Xây dựng FLC Faros (mã chứng khoán: ROS).

Các cuộc họp định kỳ và bất thường đều có số lượng thành viên dự họp đầy đủ, việc biểu quyết thông qua các vấn đề họp đều đảm bảo đúng theo quy định tại Điều lệ quỹ.

Trân trọng.

**BAN ĐẠI DIỆN QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU
TĂNG TRƯỞNG MIRAE ASSET VIỆT NAM
Chủ tịch**



Bùi Nam Giang

Quỹ ETF MAFM VN30

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



Quỹ ETF MAFM VN30

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



Quỹ ETF MAFM VN30

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Chủ tịch Công ty Quản lý Quỹ	2
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	3 - 8
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	9
Báo cáo kiểm toán độc lập	10 - 11
Báo cáo thu nhập	12
Báo cáo tình hình tài chính	13 - 14
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ	15
Báo cáo danh mục đầu tư	16 - 17
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	18 - 19
Thuyết minh báo cáo tài chính	20 - 50

Quỹ ETF MAFM VN30

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ ETF MAFM VN30 (“Quỹ”) được thành lập ngày 29 tháng 10 năm 2020 dưới hình thức quỹ hoán đổi danh mục theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 đã được thay thế bởi Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019, Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quy chế thành lập và quản lý quỹ mở đã được thay thế bởi Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan. Quỹ được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 46/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCK”) cấp ngày 29 tháng 10 năm 2020. Theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng là 115.000.000.000 đồng, tương đương với 115 lô chứng chỉ quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà đầu tư vào Quỹ là 281.000.000.000 đồng, tương đương với 281 lô chứng chỉ quỹ.

Quỹ được đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng theo Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 154/GCN-UBCK ngày 04 tháng 08 năm 2020. Chứng chỉ quỹ được niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) theo Quyết định số 732/QĐ-SGDHCM ngày 17 tháng 11 năm 2020 do HOSE cấp.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Quỹ được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) (sau đây được gọi tắt là “Công ty Quản lý Quỹ” hoặc “Công ty”), là công ty con của Mirae Asset Global Investments Co., Ltd, một đơn vị được thành lập tại Hàn Quốc. Công ty có tiền thân là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Tín Phát, được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 36/UBCK-GP do UBCK cấp ngày 02 tháng 07 năm 2008. Trong năm 2018, các cổ đông của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Tín Phát đã thực hiện việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của họ trong Công ty cho Mirae Asset Global Investments Co., Ltd. Vào ngày 20 tháng 08 năm 2018, UBCK đã cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 56/GP-UBCK về việc thay đổi tên, địa điểm trụ sở chính, người đại diện theo pháp luật của Công ty và chuyển đổi loại hình doanh nghiệp của Công ty từ công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102811624 của Công ty được điều chỉnh lần thứ 2 vào ngày 23 tháng 12 năm 2021.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 là Ông Huh Hong Suk – Chức danh: Chủ tịch và Ông Soh Jin Wook – Chức danh: Tổng Giám đốc.

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TNHH Một Thành viên Shinhan Việt Nam.

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện của Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Bùi Nam Giang	Chủ tịch, Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 11 năm 2020
Bà Lê Thị Hương	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 11 năm 2020
Bà Trần Thái Phương Diệp	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 11 năm 2020

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quỹ.

Quỹ ETF MAFM VN30

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Chủ tịch Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Quỹ ETF MAFM VN30 ("Quỹ") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chủ tịch Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Chủ tịch Công ty được yêu cầu phải:

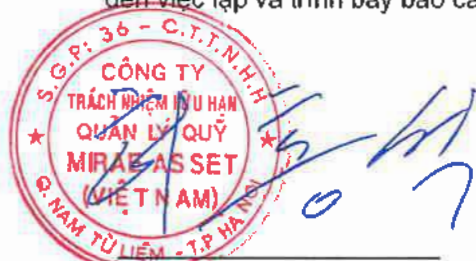
- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể chờ rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Chủ tịch Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được thiết lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Chủ tịch Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Chủ tịch Công ty cam kết với Ban Đại diện Quỹ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Theo ý kiến của Chủ tịch Công ty, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Ông Huh Hong Suk
Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 03 năm 2023

Quỹ ETF MAFM VN30

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

- Tên của Quỹ:** Quỹ ETF MAFM VN30
- Mục tiêu đầu tư của Quỹ:** Mục tiêu của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động (performance) của chỉ số tham chiếu VN30 sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số VN30 là chỉ số giá (price index) do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý.
- Hiệu quả hoạt động của Quỹ:** Theo Báo cáo tài chính của Quỹ đã được kiểm toán, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ là 52,13% so với giá trị tài sản ròng của quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021. Thay đổi giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu là -34,39% so với thay đổi của chỉ số tham chiếu là -34,55% tính từ thời điểm cuối cùng đăng ký góp vốn là ngày 21 tháng 09 năm 2020.
- Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ:** Quỹ ETF MAFM VN30 sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số VN30 có sự thay đổi thì Quỹ ETF MAFM VN30 sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số VN30 về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm và không hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao. Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.
- Phân loại Quỹ:** Quỹ hoán đổi danh mục
- Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ:** Không giới hạn
- Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao):** Trung bình
- Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ:** Quỹ được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 46/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCK") cấp ngày 29 tháng 10 năm 2020 và niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 08 tháng 12 năm 2020 với mã chứng khoán là FUEMAV30.
- Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo:** Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành là 28.100.000, và giá trị tài sản ròng của một đơn vị chứng chỉ quỹ là 11.822,93 đồng.
- Chỉ số tham chiếu của Quỹ:** Chỉ số giá VN30
- Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ:** Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận cho nhà đầu tư nếu:
 - ▶ Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
 - ▶ Ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và đảm bảo giá trị tài sản ròng không thấp hơn 50.000.000.000 đồng.Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại của Quỹ. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ sẽ được xem xét hàng năm và phụ thuộc vào kết quả hoạt động và quyết định của nhà đầu tư trong Đại hội Nhà đầu tư.
- Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị chứng chỉ quỹ:** Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

15/11/2023

Quỹ ETF MAFM VN30

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. Cơ cấu tài sản Quỹ

Cơ cấu tài sản Quỹ	31/12/2022	31/12/2021
1. Danh mục chứng khoán	99,75%	99,80%
2. Tài sản khác	0,25%	0,20%
Cộng	100,00%	100,00%

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2021
2.1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ	332.224.553.382	693.955.395.427
2.2. Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	28.100.000	38.500.000
2.3. Giá trị tài sản ròng của một đơn vị chứng chỉ quỹ (CCQ)	11.822,93	18.024,81
2.4. Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	18.294,88	18.453,81
2.5. Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	10.637,42	10.618,95
2.6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo	11.920,00	18.090,00
2.7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	18.360,00	19.570,00
2.8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	10.720,00	11.700,00
2.9. Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	-34,41%	80,25%
2.10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng
2.11. Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng
2.12. Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution)	Không áp dụng	Không áp dụng
2.13. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	0,89%	0,89%
2.14. Tốc độ vòng quay danh mục (%)	34,89%	77,69%

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng NAV/CCQ	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm
- 1 năm	-34,41%	-34,41%
- 3 năm	Không áp dụng	Không áp dụng
- Từ khi thành lập	18,23%	7,63%
- Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu	18,04%	7,57%

4. Tăng trưởng hàng năm

Thời kỳ	31/12/2022	31/12/2021
Tỷ lệ tăng trưởng/1 đơn vị chứng chỉ quỹ	-34,41%	43,22%

Quỹ ETF MAFM VN30

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM

VN-index khép lại năm 2022 kém khả quan, với mức giảm 3,94% trong tháng 12. Thị trường chứng khoán Việt Nam đóng cửa ở mức 1007,09 điểm, giảm 32,78% trong năm. Trong suốt năm 2022, nhiều sự kiện trong nước và quốc tế đã tác động tiêu cực tới tâm lý thị trường, từ các vấn đề toàn cầu như căng thẳng địa chính trị giữa Nga và Ukraine, khủng hoảng năng lượng, áp lực lạm phát và chính sách thắt chặt tiền tệ cho đến các cuộc điều tra mạnh mẽ về thị trường trái phiếu doanh nghiệp và bất động sản tại Việt Nam. Các yếu tố bất lợi này đã dẫn đến tâm lý tiêu cực của các nhà đầu tư và đà sụt giảm của thị trường chứng khoán.

Trong tháng 12, thanh khoản thị trường gia tăng đáng kể 24,9% với giá trị giao dịch trung bình tổng hợp trên 3 sàn đạt 13.982 tỷ đồng. Tuy nhiên, tổng giá trị giao dịch trung bình của năm 2022 ở mức 19.335 tỷ đồng, thấp hơn 26,9% so với năm 2021. Nhà đầu tư nước ngoài là một trong những động lực quan trọng giúp thanh khoản tháng 12 hồi phục khi mua ròng 12.436 tỷ đồng, nâng tổng giá trị mua ròng cả năm lên 26.070 tỷ đồng.

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo	Từ khi thành lập đến ngày 31/12/2022
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	-34,41%	18,23%
Tăng trưởng hàng năm (%)/1 đơn vị CCQ	-34,41%	7,63%
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	-34,39%	18,52%
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ (*)	-34,41%	1,88%

(*) Tính từ ngày kết thúc đăng ký góp vốn 21/09/2020

► Biểu đồ tăng trưởng của Quỹ trong 3 năm gần nhất (dữ liệu tính từ ngày 03 tháng 11 năm 2020):



Quỹ ETF MAFM VN30

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ (tiếp theo)

► Thay đổi giá trị tài sản ròng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2021	Tỷ lệ thay đổi
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	332.224.553.382	693.955.395.427	-52,13%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ	11.822,93	18.024,81	-34,41%

2. Thống kê về nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo

Quy mô nắm giữ (Đơn vị)	Số lượng nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị CCQ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
A	1	2	3
Dưới 5.000	782	582.980	2,07%
Từ 5.000 đến 10.000	29	187.860	0,67%
Từ 10.000 đến 50.000	28	590.470	2,10%
Từ 50.000 đến 500.000	6	614.030	2,19%
Trên 500.000	10	26.124.660	92,97%
Tổng cộng	855	28.100.000	100,00%

Ghi chú: Trình bày tình hình nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư từ ít nhất đến nhiều nhất.

3. Chi phí ngầm và giảm giá

Để hạn chế vấn đề xung đột về lợi ích và đảm bảo sự chính xác của các khoản mục chi phí của Quỹ, Công ty quy định tất cả các nhân viên của Công ty không được phép nhận các khoản giảm giá bằng tiền và không được thực hiện các khoản chi phí ngầm khi thực hiện các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

Trong kỳ báo cáo, Quỹ không phát sinh các khoản giảm giá bằng tiền hoặc chi phí ngầm liên quan đến các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Trong Quý 4 năm 2022, GDP của Việt Nam tăng trưởng 5,9%, kết thúc cả năm với mức tăng trưởng 8,0% dù cho môi trường lãi suất tăng và nhu cầu toàn cầu bị suy yếu. PMI tháng 12 ghi nhận mức 46,4, giảm so với mức 47,4 của tháng trước, đánh dấu tháng thứ hai bị thu hẹp liên tiếp trong lĩnh vực sản xuất. Chỉ số IIP trung bình cũng chỉ tăng 0,19% so với cùng kỳ. Những chỉ tiêu này cho thấy điều kiện kinh doanh tiếp tục kém khả quan trong bối cảnh nhu cầu suy yếu từ các thị trường xuất khẩu chính. Trong khi đó, năm 2022, tổng giải ngân vốn FDI đạt 22,4 tỷ USD (+13,5% so với cùng kỳ), cao nhất trong vòng 5 năm qua. Doanh số bán lẻ vẫn ổn định với mức tăng 17,13% so với cùng kỳ trong tháng 12. CPI tháng 12 tăng 4,5% so với cùng kỳ và lạm phát năm 2022 ở mức 3,15% – thấp hơn mục tiêu của chính phủ là 4%.

Sang năm 2023, chúng tôi cho rằng Việt Nam có thể sẽ tiếp tục chịu tác động từ nhu cầu xuất khẩu yếu và lo ngại về vấn đề lạm phát; đặc biệt là trong nửa đầu năm 2023. Tuy nhiên, các động lực tăng trưởng dài hạn vẫn vững chắc với nguồn vốn đầu tư công mạnh mẽ, dòng tiền FDI ổn định và việc Trung Quốc mở cửa trở lại vào năm 2023 sẽ thúc đẩy ngành du lịch và giảm bớt sự suy giảm thương mại dự kiến với phương Tây. Trong khi đó, cơ hội đầu tư dài hạn rất hấp dẫn với định giá thị trường hiện tại ở mức P/E 10,5 lần và P/E 2023 là 9,64 lần.

Quỹ ETF MAFM VN30

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN KHÁC

NGƯỜI ĐIỀU HÀNH QUỸ

► **Ông Soh Jin Wook – Giám đốc**

Trước khi gia nhập Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) với vai trò Tổng Giám đốc, ông Soh có 12 năm là trưởng văn phòng đại diện Mirae Asset Global Investment Co., Ltd tại Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, ông đã quản lý các quỹ Hàn Quốc đầu tư vào thị trường Việt Nam với tổng tài sản hàng nghìn tỷ đồng.

Ông Soh có bằng cử nhân Kinh tế, bằng thạc sỹ Kế toán tại trường Đại học Quốc gia Seoul, Hàn Quốc, chứng chỉ quản lý đầu tư Hàn Quốc, và chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ do UBCK cấp.

► **Ông Nguyễn Kỳ Minh – Giám đốc đầu tư (từ 01 tháng 01 năm 2022 đến 14 tháng 07 năm 2022)**

Gia nhập Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) từ khi công ty được thành lập, đến nay ông Minh đã có 09 năm kinh nghiệm tại các định chế tài chính lớn trong và ngoài nước, trong đó 05 năm làm việc tại Mirae Asset. Trước khi gia nhập công ty, ông đã trải qua các vị trí đầu tư và phân tích đầu tư nguồn vốn cho Ngân hàng TMCP Bảo Việt (BaoViet Bank) và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV). Tại Mirae Asset, ông đã tiếp tục đóng góp cho hoạt động của công ty và được cử giữ các vị trí Chuyên viên phát triển kinh doanh, Chuyên viên quản lý danh mục, Trưởng phòng quản lý danh mục và Trưởng phòng đầu tư.

Ông Nguyễn Kỳ Minh có chứng chỉ quốc tế về phân tích đầu tư - Chartered Financial Analyst (CFA), bằng cử nhân chuyên ngành Kinh tế Đối ngoại của Đại học Ngoại Thương Hà Nội và chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ do UBCK cấp.

► **Bà Phạm Minh Phương – Giám đốc đầu tư (từ 14 tháng 07 năm 2022 đến ngày lập báo cáo)**

Bà Phương có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, quản lý tài sản, bao gồm 10 năm kinh nghiệm làm phân tích doanh nghiệp tại Văn phòng đại diện Công ty Quản lý quỹ Mirae Asset Global Investment Co., Ltd và 2 năm phụ trách môi giới và tư vấn đặt lệnh tại Công ty chứng khoán MeKong.

Bà Phương có bằng Cử nhân khoa Thương Mại Quốc Tế của trường Đại học Kinh tế Quốc dân, chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ do UBCKNN cấp và chứng chỉ kế toán do trường Đại học Kinh tế Quốc dân cấp.

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

► **Ông Bùi Nam Giang – Thành viên độc lập, Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ**

Trưởng phòng phân tích, Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia.

Ông Bùi Nam Giang có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư chứng khoán. Ông Giang hiện đang giữ chức vụ Trưởng phòng phân tích, Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia. Trước đó, ông Giang từng có 04 năm công tác tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM). Tại đây, ông là chuyên viên đầu tư và là người điều hành quỹ cho Quỹ Đầu Tư Lợi Thế Cạnh Tranh Bền Vững SSI (SSI-SCA). Trước khi gia nhập SSIAM, ông giữ vị trí Trưởng nhóm cổ phần hóa, Phòng tư vấn Tài chính tại CTCP Chứng Khoán Dầu Khí, và Chuyên viên phòng Tư vấn Tài chính tại CTCP Chứng khoán Bảo Việt.

Ông Giang có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ do UBCK cấp, và bằng Cử nhân Tài chính – Kế toán ở Trường Đại Học Thăng Long.

Quỹ ETF MAFM VN30

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ (tiếp theo)

► **Bà Lê Thị Hương – Thành viên độc lập, Phó Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ**

Kế toán trưởng, Công ty TNHH Công trình xây dựng điện lực An huy 2 Việt Nam Tập đoàn xây dựng năng lượng Trung Quốc.

Bà Hương có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và tư vấn thuế. Hiện tại, bà Hương là Kế toán trưởng tại Công ty TNHH Công trình xây dựng điện lực An huy 2 Việt Nam Tập đoàn xây dựng năng lượng Trung Quốc. Với kiến thức sâu và rộng, bà Hương có 03 năm là kế toán tổng hợp tại Công ty Win Energy JSC phụ trách lập báo cáo tài chính và báo cáo thuế, 03 năm công tác tại công ty kiểm toán Deloitte phụ trách kiểm toán ngân hàng và 02 năm phụ trách tư vấn thuế và kế toán tại K.O.M.B.I.T.E.Q, công ty tư vấn thuế và kế toán cho khách hàng Australia.

Bà Hương có bằng Cử nhân chuyên ngành Kế toán, Kiểm toán do trường Đại học kinh tế quốc dân cấp và Chứng chỉ kế toán trưởng do Bộ Tài Chính cấp.

► **Bà Trần Thái Phương Diệp – Thành viên**

Phụ trách Pháp Chế, Công ty TNHH Quản lý quỹ Mirae Asset (Việt Nam).

Trước khi gia nhập Công ty TNHH Quản lý quỹ Mirae Asset (Việt Nam), bà Diệp đã có nhiều năm kinh nghiệm tư vấn pháp luật trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng và chứng khoán tại các công ty luật quốc tế như Mayer Brown JSM, Investconsult, Vision & Associates Legal và phụ trách pháp chế tại Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T. Các thương vụ bà Diệp tham gia tư vấn liên quan đến chuyển nhượng cổ phần, chuyển nhượng vốn, phát hành trái phiếu, hợp đồng vay vốn, sáp nhập và hợp nhất doanh nghiệp, đầu tư nước ngoài.

Bà Diệp có bằng Cử nhân khoa Luật Quốc Tế của trường Đại học Luật Hà Nội.

BAN ĐIỀU HÀNH CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

► **Ông Soh Jin Wook – Tổng Giám đốc**

Trước khi gia nhập Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) với vai trò Tổng Giám Đốc, ông Soh có 12 năm là trưởng văn phòng đại diện Mirae Asset Global Investment Co; Ltd tại Thành phố Hồ Chí Minh, Tại đây, ông đã quản lý các quỹ Hàn Quốc đầu tư vào thị trường Việt Nam với tổng tài sản hàng nghìn tỷ đồng.

Ông Soh có bằng cử nhân Kinh tế, bằng thạc sỹ Kế toán tại trường Đại học Quốc gia Seoul, Hàn Quốc, chứng chỉ quản lý đầu tư Hàn Quốc, và chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ do UBCKNN cấp.

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2023


CHỦ TỊCH CÔNG TY
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
QUẢN LÝ QUỸ
MIRAE ASSET
(VIỆT NAM)
Huh Hong Suk

Số: 07/2023/FS-SHBVN

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ ETF MAFM VN30 (“Quỹ FUEMAV30” hay “Quỹ”) cho kỳ báo cáo từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong kỳ báo cáo này, Quỹ FUEMAV30 đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) (“CTQLQ”) đã tuân thủ các hạn chế đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ đầu tư chứng khoán, Điều lệ Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.
- Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ FUEMAV30 đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- Đánh giá hoạt động chào bán, phát hành, mua lại chứng chỉ quỹ.

Công ty quản lý quỹ đã tuân thủ các quy định về hoạt động hoán đổi, hoán đổi lại chứng chỉ quỹ như đề cập trong Điều lệ Quỹ và các văn bản pháp luật có liên quan. Ngân hàng Giám sát chỉ lưu ý việc thanh toán tiền chênh lệch liên quan đến hoạt động hoán đổi lại chứng chỉ quỹ chưa đúng với thời hạn quy định trong Bản cáo bạch, tuy nhiên quỹ đã hoàn tất nghĩa vụ theo thỏa thuận với thành viên lập quỹ vào ngày làm việc liền sau đó.

- Các nội dung liên quan đến phân phối lợi nhuận của Quỹ FUEMAV30 phát sinh trong kỳ báo cáo: không có.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 01 năm 2023

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

Từ Hồng Huệ

Kiểm soát viên

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Jung Hyun Su

Giám đốc Phòng Dịch vụ Chứng khoán

Số tham chiếu: 61723556/22986763/ETF

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Nhà đầu tư
Quỹ ETF MAFM VN30**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ ETF MAFM VN30 ("Quỹ"), được lập ngày 10 tháng 03 năm 2023 và được trình bày từ trang 12 đến trang 50, bao gồm báo cáo tình hình tài chính và báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Chủ tịch Công ty Quản lý Quỹ

Chủ tịch Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) là Công ty Quản lý quỹ của Quỹ ("Chủ tịch") chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến *Thuyết minh số 2.6* của báo cáo tài chính. Kỳ kế toán hiện hành áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính là từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022. Trong khi đó, kỳ kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày dữ liệu tương ứng là từ ngày 29 tháng 10 năm 2020 (là ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021. Theo đó, dữ liệu tương ứng của báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính có liên quan không so sánh được với dữ liệu của kỳ kế toán hiện tại.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Đặng Phương Hà
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2400-2023-004-1



Hoàng Thị Hồng Minh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0761-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 03 năm 2023

118
CÔNG
T
T
T
H
H
K

BÁO CÁO THU NHẬP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 VND	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 29/10/2020 đến ngày 31/12/2021 VND
01	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		(258.077.914.040)	210.454.073.109
02	1.1 Cổ tức được chia	5	6.395.904.160	8.119.407.273
04	1.2 Lãi/(lãi) bán các khoản đầu tư	6	(37.646.731.135)	41.931.693.936
05	1.3 Chênh lệch (giảm)/tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	7	(226.827.087.065)	159.656.643.500
08	1.4 Lãi từ hoạt động đầu tư khác	5	-	746.328.400
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		160.361.053	276.817.112
11	2.1 Chi phí giao dịch hoán đổi, bán các khoản đầu tư	8	160.361.053	276.817.112
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ ETF		5.187.583.039	5.002.184.597
20.1	3.1 Phí quản lý quỹ ETF		3.624.631.658	3.504.711.931
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản quỹ ETF		345.752.637	338.357.519
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát		132.903.161	128.505.308
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị quỹ ETF		199.354.745	192.757.960
20.5	3.5 Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng		66.000.000	70.258.065
20.6	3.6 Phí dịch vụ khác của nhà cung cấp dịch vụ cho quỹ ETF		604.105.274	571.927.312
20.7	3.7 Chi phí họp, đại hội quỹ ETF		18.450.743	7.808.398
20.8	3.8 Chi phí kiểm toán		81.500.000	82.500.000
20.11	3.9 Chi phí hoạt động khác	9	114.884.821	105.358.104
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		(263.425.858.132)	205.175.071.400
24	V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC		-	-
30	VI. TỔNG (LỖ)/LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		(263.425.858.132)	205.175.071.400
31	6.1 (Lỗ)/lợi nhuận đã thực hiện		(36.598.771.067)	45.518.427.900
32	6.2 (Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện		(226.827.087.065)	159.656.643.500
40	VII. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")		-	-
41	VIII.(LỖ)/LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		(263.425.858.132)	205.175.071.400

Người lập:



Bà Vũ Thị Thúy Lụa
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 03 năm 2023

Người phê duyệt:



Ông Huh Hong Suk
Chủ tịch

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	10	373.632.913	780.507.073
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng		373.632.913	780.507.073
111.3	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ ETF		373.632.913	780.507.073
120	2. Các khoản đầu tư thuần	11	331.970.764.900	693.409.176.000
121	2.1 Các khoản đầu tư		331.970.764.900	693.409.176.000
130	3. Các khoản phải thu	13	469.964.000	592.668.800
133	3.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		469.964.000	592.668.800
136	3.1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		469.964.000	592.668.800
100	TỔNG TÀI SẢN		332.814.361.813	694.782.351.873
	II. NỢ PHẢI TRẢ			
316	1. Chi phí phải trả	14	82.500.000	55.000.000
319	2. Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF	15	507.308.431	769.456.446
320	3. Phải trả, phải nộp khác	16	-	2.500.000
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		589.808.431	826.956.446
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẪM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF	17	332.224.553.382	693.955.395.427
411	1. Vốn góp của nhà đầu tư		281.000.000.000	385.000.000.000
412	1.1 Vốn góp phát hành		497.000.000.000	437.000.000.000
413	1.2 Vốn góp mua lại		(216.000.000.000)	(52.000.000.000)
414	2. Thặng dư vốn góp của nhà đầu tư		109.475.340.114	103.780.324.027
420	3. (Lỗ)/Lợi nhuận chưa phân phối		(58.250.786.732)	205.175.071.400
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ ETF TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ		11.822,93	18.024,81
440	V. LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ		-	-

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

VI. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
004	Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	20	28.100.000,00	38.500.000,00

Người lập:



Bà Vũ Thị Thúy Lụa
 Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Huh Hong Suk
 Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

STT	NỘI DUNG	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 VND	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 29/10/2020 đến ngày 31/12/2021 VND
I	Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF đầu kỳ	693.955.395.427	-
II	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ	(263.425.858.132)	205.175.071.400
	<i>Trong đó:</i>		
II.1	Thay đổi giá trị tài sản ròng do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của quỹ ETF trong kỳ	(263.425.858.132)	205.175.071.400
II.2	Thay đổi giá trị tài sản ròng do phân chia lợi nhuận/tài sản của quỹ ETF cho nhà đầu tư trong kỳ	-	-
III	Thay đổi giá trị tài sản ròng do hoán đổi lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ	(98.304.983.913)	488.780.324.027
	<i>Trong đó:</i>		
III.1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ ETF	95.993.390.698	580.212.093.084
III.2	Khoản thanh toán từ việc hoán đổi lại chứng chỉ quỹ ETF	(194.298.374.611)	(91.431.769.057)
IV	Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF cuối kỳ	332.224.553.382	693.955.395.427

Người lập:



Bà Vũ Thị Thúy Lụa
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Huh Hong Suk
Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

STT	CHỈ TIÊU	Mã cổ phiếu	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31/12/2022 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ %/Tổng giá trị tài sản của Quỹ
I	CỔ PHIẾU NIÊM YẾT					
1	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB	990.475	21.900	21.691.402.500	6,52%
2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	BID	69.934	38.600	2.699.452.400	0,81%
3	Tập đoàn Bảo Việt	BVH	25.500	46.600	1.188.300.000	0,36%
4	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	CTG	248.871	27.250	6.781.734.750	2,04%
5	CTCP FPT	FPT	321.260	76.900	24.704.894.000	7,42%
6	Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	GAS	33.480	101.500	3.398.220.000	1,02%
7	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP	GVR	55.000	13.800	759.000.000	0,23%
8	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	HDB	609.626	15.950	9.723.534.700	2,92%
9	CTCP Tập đoàn Hòa Phát	HPG	1.105.843	18.000	19.905.174.000	5,98%
10	CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH	161.141	26.500	4.270.236.500	1,28%
11	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MBB	862.242	17.100	14.744.338.200	4,43%
12	CTCP Tập đoàn MaSan	MSN	221.144	93.000	20.566.392.000	6,18%
13	CTCP Đầu tư Thế giới Di động	MWG	380.440	42.900	16.320.876.000	4,90%
14	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL	270.663	14.000	3.789.282.000	1,14%
15	CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR	93.472	13.600	1.271.219.200	0,38%
16	Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX	43.900	31.700	1.391.630.000	0,42%
17	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	POW	161.900	10.650	1.724.235.000	0,52%
18	CTCP Xây dựng FLC Faros	ROS	30	2.510	75.300	0,00%
19	Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	SAB	24.100	166.900	4.022.290.000	1,21%
20	CTCP Chứng khoán SSI	SSI	361.796	17.700	6.403.789.200	1,92%
21	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	STB	650.320	22.500	14.632.200.000	4,40%
22	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	TCB	788.840	25.850	20.391.514.000	6,13%
23	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB	302.015	21.050	6.357.415.750	1,91%
24	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VCB	178.744	80.000	14.299.520.000	4,30%
25	CTCP Vinhomes	VHM	376.804	48.000	18.086.592.000	5,43%
26	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	VIB	400.500	19.000	7.609.500.000	2,29%
27	Tập đoàn Vingroup – CTCP	VIC	328.994	53.800	17.699.877.200	5,32%
28	CTCP Hàng không Vietjet	VJC	93.630	109.500	10.252.485.000	3,08%
29	CTCP Sửa Việt Nam	VNM	289.260	76.100	22.012.686.000	6,61%
30	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB	1.509.348	17.900	27.017.329.200	8,12%
31	CTCP Vincom Retail	VRE	313.900	26.300	8.255.570.000	2,48%
	Tổng		11.273.172	1.297.060	331.970.764.900	99,75%

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

STT	CHỈ TIÊU	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31/12/2022 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ %/Tổng giá trị tài sản của Quỹ
II	CÁC TÀI SẢN KHÁC				
1	Cổ tức được nhận			469.964.000	0,14%
	Tổng			469.964.000	0,14%
III	TIỀN				
1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ ETF			373.632.913	0,11%
	Tổng			373.632.913	0,11%
IV	TỔNG GIÁ TRỊ DANH MỤC			332.814.361.813	100,00%

Người lập:



Bà Vũ Thị Thúy Lụa
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 03 năm 2023

Người phê duyệt:



Ông Huh Hong Suk
Chủ tịch

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 VND	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 29/10/2020 đến ngày 31/12/2021 VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		(263.425.858.132)	205.175.071.400
02	Điều chỉnh			
03	- Lãi chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện		226.827.087.065	(159.656.643.500)
	- Lãi chênh lệch từ hoạt động hoán đổi lại chứng chỉ quỹ		38.022.630.238	(20.226.641.245)
04	- Chi phí trích trước		25.000.000	57.500.000
05	2. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		1.448.859.171	25.349.286.655
07	- Tăng các khoản đầu tư		(13.668.584.203)	(206.418.786.455)
	- Giảm/(Tăng) dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		122.704.800	(592.668.800)
17	- (Giảm)/Tăng phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF		(262.148.015)	769.456.446
19	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(12.359.168.247)	(180.892.712.154)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
21	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ		16.687.410.698	182.508.853.284
22	2. Tiền chi hoán đổi lại chứng chỉ quỹ		(4.735.116.611)	(835.634.057)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		11.952.294.087	181.673.219.227
40	III. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(406.874.160)	780.507.073

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 VND	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 29/10/2020 đến ngày 31/12/2021 VND
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		780.507.073	-
51	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ		780.507.073	-
52	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ ETF		780.507.073	-
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	10	373.632.913	780.507.073
56	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ		373.632.913	780.507.073
57	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ ETF		373.632.913	780.507.073
60	VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ		(406.874.160)	780.507.073

Người lập:



Bà Vũ Thị Thúy Lụa
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 03 năm 2023

Người phê duyệt:



Ông Huh Hong Suk
Chủ tịch

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**1.1 Thông tin về Quỹ**

Quỹ ETF MAFM VN30 (“Quỹ”) được thành lập ngày 29 tháng 10 năm 2020 dưới hình thức quỹ hoán đổi danh mục theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 đã được thay thế bởi Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản pháp luật có liên quan. Quỹ được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 46/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCK”) cấp ngày 29 tháng 10 năm 2020. Theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) (sau đây được gọi tắt là “Công ty Quản lý Quỹ”), là công ty con của Mirae Asset Global Investments Co., Ltd, một đơn vị được thành lập tại Hàn Quốc. Công ty có tiền thân là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Tín Phát, được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 36/UBCK-GP do UBCK cấp ngày 02 tháng 07 năm 2008. Trong năm 2018 các cổ đông của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Tín Phát đã thực hiện việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của họ trong Công ty cho Mirae Asset Global Investments Co., Ltd. Vào ngày 20 tháng 08 năm 2018, UBCK đã cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 56/GP-UBCK về việc thay đổi tên, địa điểm trụ sở chính, người đại diện theo pháp luật của Công ty và chuyển đổi loại hình doanh nghiệp của Công ty từ công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102811624 của Công ty được điều chỉnh lần thứ 2 vào ngày 23 tháng 12 năm 2021.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 là Ông Huh Hong Suk – Chức danh: Chủ tịch và Ông Soh Jin Wook – Chức danh: Tổng Giám đốc .

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TNHH Một Thành viên Shinhan Việt Nam.

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ**Quy mô vốn**

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng là 115.000.000.000 đồng, tương đương với 115 lô chứng chỉ quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 281.000.000.000 đồng, tương đương với 281 lô chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động (performance) của chỉ số tham chiếu VN30 sau khi trừ đi chi phí của Quỹ.

Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ**Ngày định giá**

Ngày định giá là ngày xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ. Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định hàng ngày và cuối tháng. Trong trường hợp Ngày định giá trùng với ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì Ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngày sau đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ (tiếp theo)

Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Giá trị tài sản ròng cho mỗi chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị thị trường (hoặc giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị thị trường) của các tài sản có trong danh mục trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ, bao gồm các khoản nợ, các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng cho mỗi chứng chỉ quỹ được tính cho mỗi ngày giao dịch của Quỹ sẽ được làm tròn xuống đến hai (02) chữ số thập phân.

Tần suất giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ

Chứng chỉ quỹ được giao dịch hàng ngày nếu ngày đó là ngày làm việc (“Ngày giao dịch”). Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo đến nhà đầu tư, đại lý phân phối và các đơn vị cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch cụ thể khi Ngày giao dịch không phải là ngày làm việc trên trang thông tin điện tử của công ty và/hoặc bằng thư điện tử.

Công ty Quản lý Quỹ có thể thay đổi Ngày giao dịch hay tần suất giao dịch khi thấy cần thiết, với điều kiện được Đại hội Nhà đầu tư thông qua phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ. Việc thay đổi Ngày giao dịch sẽ được thông báo trước trên website của Công ty Quản lý Quỹ. Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội Nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

Hạn chế đầu tư

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ tại Điều lệ Quỹ và đã được công khai tại Bản cáo bạch. Danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với danh mục của chỉ số tham chiếu về cơ cấu, tỷ trọng tài sản và bảo đảm mức sai lệch giữa giá trị tài sản ròng trên 1 lô chứng chỉ quỹ so với chỉ số tham chiếu của Quỹ không được lớn hơn mức sai lệch tối đa quy định tại Điều lệ Quỹ, quy định tại Sở giao dịch Chứng khoán và các quy định của pháp luật, đồng thời vốn và tài sản của Quỹ khi được đầu tư phải tuân thủ các giới hạn sau:

- ▶ Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- ▶ Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) bao gồm tiền gửi các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan của một tổ chức phát hành, ngoại trừ công cụ nợ của Chính phủ;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- ▶ Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản: tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan; cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng; chứng khoán phái sinh niêm yết và giao dịch tại các Sở giao dịch Chứng khoán, và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ; trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh là giá trị cam kết của hợp đồng quy định tại phần "Nguyên tắc định giá" trong *Thuyết minh số 4.2*; phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ, trừ trường hợp là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu;
- ▶ Không đầu tư vào chứng chỉ của chính quỹ đó;
- ▶ Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán khác do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - ▶ Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - ▶ Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - ▶ Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- ▶ Không được đầu tư vào bất động sản, cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, trái phiếu phát hành riêng lẻ; trừ trường hợp đó là các tài sản quỹ được hưởng lợi từ các quyền của chủ sở hữu;
- ▶ Không được đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi công ty quản lý quỹ, người có liên quan của công ty quản lý quỹ, thành viên lập quỹ trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu;
- ▶ Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ.

Trừ 3 trường hợp cuối kể trên, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch so với các hạn chế đầu tư và chỉ do các nguyên nhân khách quan sau:

- ▶ Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- ▶ Thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ;
- ▶ Thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- ▶ Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành các chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
- ▶ Cơ cấu danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu thay đổi;
- ▶ Quỹ đang trong thời gian giải thể;
- ▶ Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá ba (03) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

Trong trường hợp xảy ra sai lệch so với các hạn mức đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ sẽ điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng các hạn mức đầu tư trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày mà sai lệch phát sinh.

Trường hợp sai lệch là do Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày phát sinh sai lệch. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có phát sinh). Nếu phát sinh lợi nhuận, thì phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục quy định tại Thông tư số 181/2015/TT-BTC (“Thông tư số 181”) ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Theo Thông tư số 181, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập
2. Báo cáo tình hình tài chính
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ
4. Báo cáo danh mục đầu tư
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa, các báo cáo này không chủ định trình bày tình hình tài chính, danh mục đầu tư, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Quỹ là nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Các kỳ kế toán năm của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Quỹ là đồng Việt Nam ("VND").

2.5 *Ước tính kế toán*

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Lãnh đạo của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Lãnh đạo của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2.6 *Thông tin so sánh*

Quỹ được thành lập ngày 29 tháng 10 năm 2020. Kỳ kế toán hiện hành áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính niên độ là từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022. Trong khi đó kỳ kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày dữ liệu tương ứng là từ ngày 29 tháng 10 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021. Theo đó, dữ liệu tương ứng của báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính có liên quan không so sánh được với dữ liệu của kỳ kế toán hiện tại do khác biệt về kỳ báo cáo.

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Quỹ cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 181.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ, tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (03) tháng, có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 *Các khoản đầu tư*

Nguyên tắc phân loại

Các khoản đầu tư thuộc Danh mục đầu tư của Quỹ được phân loại theo các loại tài sản tài chính (cổ phiếu, công cụ thị trường tiền tệ...).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.2 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày giao dịch/khi nhận được thông báo kết quả giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ từ VSD. Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua/giá hoán đổi mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được các khoản đầu tư. Các chi phí phát sinh này được hạch toán vào báo cáo thu nhập.

Đối với các khoản đầu tư vào tiền gửi ngân hàng, phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận, tách biệt khỏi giá gốc trên khoản mục “Dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận” trên báo cáo tình hình tài chính.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục “Các khoản đầu tư” trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc như sau:

- ▶ Tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi được ghi nhận theo giá gốc; và
- ▶ Cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các cổ phiếu này.

Giá trị hợp lý được xác định theo các nguyên tắc định giá được trình bày dưới đây. Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập.

Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay Định giá và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.

Nguyên tắc định giá

Các khoản đầu tư của Quỹ được định giá theo các nguyên tắc và phương pháp quy định trong Sổ tay Định giá như sau:

- ▶ Tiền là số dư tiền tại ngày trước ngày định giá.
- ▶ Tiền gửi không kỳ hạn là toàn bộ số dư tiền gửi thanh toán, tiền gửi không kỳ hạn tại ngày trước ngày định giá.
- ▶ Tiền gửi kỳ hạn được xác định là giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
- ▶ Chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, tín phiếu Kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu được xác định bằng giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.2 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

▶ Cổ phiếu

- i. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội: được đánh giá theo giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch Chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau theo thứ tự từ trên xuống:

- ▶ Giá mua; hoặc
- ▶ Giá trị sổ sách; hoặc
- ▶ Giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

- ii. Cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UPCoM: được đánh giá theo giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở Giao dịch Chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau theo thứ tự từ trên xuống:

- ▶ Giá mua; hoặc
- ▶ Giá trị sổ sách; hoặc
- ▶ Giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

- iii. Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch được xác định là một trong các giá sau, ưu tiên theo thứ tự từ trên xuống:

- ▶ Giá trị sổ sách theo báo cáo tài chính gần nhất nhưng không quá sáu (06) tháng tính đến ngày định giá; hoặc
- ▶ Mệnh giá; hoặc
- ▶ Giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

- iv. Cổ phiếu chuyển sản niêm yết, hoặc chuyển từ đăng ký giao dịch qua niêm yết, hoặc chuyển từ niêm yết qua đăng ký giao dịch được xác định là giá đóng cửa tại ngày giao dịch cuối cùng trước khi ngừng giao dịch.

v. Chứng khoán phái sinh

- ▶ Chứng khoán phái sinh niêm yết: Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác tùy vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch Chứng khoán) tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
- ▶ Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng mười lăm (15) ngày trở lên giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

- vi. Các tài sản khác được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

- ▶ Quyền mua chứng khoán: Giá quyền mua được tính bằng cách lấy giá chứng khoán tại ngày gần nhất trước ngày định giá trừ đi giá phát hành quyền mua và nhân với tỷ lệ thực hiện quyền mua. Trong trường hợp kết quả của cách tính này nhỏ hơn 0 thì giá quyền mua bằng 0.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.2 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quý đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(Lỗ) từ hoạt động bán/hoán đổi lại các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán/giá hoán đổi lại và giá vốn của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tại cuối ngày giao dịch.

Lãi/(Lỗ) do đánh giá lại các khoản đầu tư

Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập theo quy định tại Thông tư số 181.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, phải thu từ hoạt động hoán đổi chứng danh mục chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ quỹ và ngược lại, phải thu và dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng, tiền lãi chứng chỉ tiền gửi và các khoản phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng đối với các khoản phải thu khó đòi được hạch toán vào báo cáo thu nhập.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán được trích lập dự phòng thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

4.4 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá bao gồm các khoản phải trả cho hoạt động mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả từ hoạt động hoán đổi chứng danh mục chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ quỹ và ngược lại, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban Đại diện Quý, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát và các khoản phải trả khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.5 Dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Quỹ có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Quỹ có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

4.6 Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của nhà đầu tư

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại là vốn chủ sở hữu. Mỗi chứng chỉ quỹ có mệnh giá là 10.000 đồng. Số lượng chứng chỉ quỹ sau khi phân phối là số lượng lô chứng chỉ quỹ * 100.000.

Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành là khoản vốn góp từ việc hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá của chứng chỉ quỹ và được ghi nhận tại ngày làm việc thứ nhất kể từ ngày giao dịch hoán đổi – ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu của Quỹ đối với các danh mục chứng khoán cơ cấu.

Vốn góp hoán đổi lại

Vốn góp hoán đổi là vốn ghi nhận từ việc hoán đổi chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu của nhà đầu tư. Vốn góp hoán đổi lại được phản ánh theo mệnh giá của chứng chỉ quỹ và được ghi nhận tại ngày làm việc thứ nhất kể từ ngày giao dịch hoán đổi lại – ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu của nhà đầu tư đối với các danh mục chứng khoán cơ cấu.

Thặng dư vốn góp của nhà đầu tư

Thặng dư vốn góp phản ánh chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ và mệnh giá trên một chứng chỉ quỹ được phát hành/hoán đổi lại. Thặng dư vốn góp bao gồm thặng dư vốn góp phát hành và thặng dư vốn góp hoán đổi lại.

Lợi nhuận/(Lỗ) chưa phân phối

Lợi nhuận/(Lỗ) chưa phân phối phản ánh lãi/(lỗ) chưa phân phối lũy kế tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện lũy kế và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện lũy kế.

Lợi nhuận/(Lỗ) đã thực hiện trong năm là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ phát sinh trong năm.

Lợi nhuận/(Lỗ) chưa thực hiện trong năm là chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ phát sinh trong năm.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trong năm và ghi nhận vào "Lợi nhuận/(Lỗ) chưa phân phối".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.6 Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của nhà đầu tư (tiếp theo)

Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho nhà đầu tư

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong năm cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản lợi nhuận chưa phân phối vào cuối năm tài chính.

Quý ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

4.7 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quý có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng được ghi nhận vào báo cáo thu nhập trên cơ sở dự thu trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào báo cáo thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Quý được thiết lập.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam ("VSD") đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Lưu ký (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản hoặc khi nhận được chứng nhận quyền sở hữu – tùy vào ngày nào đến trước (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

Thu nhập từ hoạt động hoán đổi lại chứng chỉ quỹ

Thu nhập từ hoạt động hoán đổi lại chứng chỉ quỹ được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo kết quả giao dịch hoán đổi lại chứng chỉ quỹ từ VSD.

Các khoản doanh thu, thu nhập khác được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh tại ngày phát sinh giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN
 ĐẦU TƯ VÀ
 CHỨNG KHOÁN
 MAFM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.8 Chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích và ghi nhận theo phát sinh thực tế. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu như sau:

Giá dịch vụ quản lý quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ

Giá dịch vụ quản lý được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ. Số tiền trả hàng tháng là tổng số tiền được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Phí quản lý vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau: $0,6\% \times \text{Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá} \times \text{Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá} / \text{số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)}$, và mức phí có thể thay đổi khi được Đại hội Nhà đầu tư phê duyệt.

Giá dịch vụ giám sát và giá dịch vụ lưu ký

Giá dịch vụ giám sát Quỹ vào mỗi kỳ định giá là $0,02\% \times \text{Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá} \times \text{Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá} / \text{số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)}$, chưa bao gồm thuế GTGT.

Giá dịch vụ lưu ký vào mỗi kỳ định giá là $0,05\% \times \text{Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá} \times \text{Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá} / \text{số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)}$.

Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán: 100.000 đồng/giao dịch.

Giá dịch vụ lưu ký và giá dịch vụ giao dịch chứng khoán không gồm thuế GTGT.

Mức giá dịch vụ trên chưa bao gồm các chi phí ngoài thông thường như chi phí thanh toán cho VSD, chi phí pháp lý, chi phí tem thư...

Giá dịch vụ quản trị Quỹ

Giá dịch vụ quản trị quỹ vào mỗi kỳ định giá là $0,03\% \times \text{Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá} \times \text{Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá} / \text{số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)}$ chưa bao gồm thuế GTGT.

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

STT	Loại phí	Mức giá dịch vụ (chưa bao gồm thuế GTGT)
1	Giá dịch vụ cố định hàng tháng	5.000.000 đồng/tháng
2	Giá dịch vụ giao dịch mua bán	Miễn phí
3	Giá dịch vụ thiết lập, duy trì thông tin, kết nối, cung cấp thông tin	Miễn phí

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.8 Chi phí (tiếp theo)

Giá dịch vụ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV), iINDEX và mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu (Tracking error – TE)

Giá dịch vụ cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV), iINDEX và TE được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá và được thanh toán mỗi sáu (06) tháng cho tổ chức cung cấp dịch vụ hoặc một chu kỳ khác theo thỏa thuận giữa Công ty Quản lý Quỹ và tổ chức cung cấp dịch vụ. Số tiền trả hàng kỳ là tổng số tiền được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong kỳ.

Giá dịch vụ cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV), iINDEX và TE vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau: $0,05\% \times$ Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá \times Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366), và tối thiểu 50.000.000 đồng/năm, và mức phí có thể thay đổi khi được Đại hội Nhà đầu tư phê duyệt.

Giá dịch vụ trả cho tổ chức cấp quyền sử dụng chỉ số tham chiếu

Giá dịch vụ cấp quyền sử dụng chỉ số tham chiếu được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá và được thanh toán mỗi sáu (06) tháng cho tổ chức cấp quyền sử dụng chỉ số hoặc một chu kỳ khác theo thỏa thuận giữa Công ty Quản lý Quỹ và tổ chức cung cấp dịch vụ. Số tiền trả hàng kỳ là tổng số tiền được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong kỳ.

Giá dịch vụ cấp quyền sử dụng chỉ số tham chiếu được xác định như sau: $0,05\% \times$ Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá \times Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366), và tối thiểu 50.000.000 đồng/năm, và mức phí có thể thay đổi khi được Đại hội Nhà đầu tư phê duyệt.

Chi phí kiểm toán

Phí kiểm toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với Công ty Kiểm toán và sẽ được xác định hàng năm vào cuối năm tài chính của Quỹ. Chi phí kiểm toán được trích lập hàng kỳ vào ngày định giá.

Phụ cấp Ban Đại diện Quỹ

Các chi phí của Ban Đại diện Quỹ bao gồm chi phí ăn ở, đi lại với mức hợp lý và phù hợp với các quy định tại Điều lệ Quỹ, các chi phí phát sinh từ hoạt động của Ban Đại diện Quỹ để phục vụ cho lợi ích của Quỹ sẽ được tính vào chi phí của Quỹ. Thù lao của các thành viên của Ban Đại diện Quỹ được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ và tổng mức thù lao không được vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Đại diện đã được thông qua tại Đại hội Nhà đầu tư.

Chi phí khác

Các chi phí khác bao gồm chi phí in ấn, chi phí công bố thông tin; chi phí cho các cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư; thuế phí và các chi phí khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.9 Thuế

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

a. Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi trả cổ tức cho nhà đầu tư, Quỹ tuân thủ Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014 ("Thông tư 78") được sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 06 năm 2015 ("Thông tư 96") và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 08 năm 2013 ("Thông tư 111") được sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2015 ("Thông tư 92") do Bộ Tài chính ban hành và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 08 năm 2010 của Tổng Cục Thuế về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại 20% lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành). Khi trả cổ tức cho nhà đầu tư cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

b. Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo Thông tư 111 được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 96, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 08 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 03 năm 2018 do Bộ Tài chính ban hành. Mức thuế áp dụng là 0,1% giá trị chuyển nhượng. Công ty Quản lý Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước. Các nhà đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước theo Thông tư 78.

4.10 Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quỹ hoặc chịu sự kiểm soát của Quỹ, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quỹ. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quỹ mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quỹ, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

4.11 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 181 không được thể hiện trong các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. THU NHẬP TỪ CỔ TỨC

	<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 29/10/2020 đến ngày 31/12/2021</i>
	VND	VND
Cổ tức được chia	6.395.904.160	8.119.407.273
Cổ tức bằng tiền	5.925.940.160	7.526.738.473
Dự thu cổ tức	469.964.000	592.668.800
Cổ tức khác	-	746.328.400
Cổ tức nhận được từ IPO	-	641.223.000
Cổ tức phát sinh trên phần chứng khoán mua hộ cho nhà tạo lập quỹ	-	105.105.400
	6.395.904.160	8.865.735.673

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. LÃI BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Số lượng	Tổng giá trị bán/ Giá trị chứng khoán hoán đổi lại	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi bán chứng khoán/ Chênh lệch giữa giá chứng khoán hoán đổi lại và giá vốn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022	Lãi bán chứng khoán/ Chênh lệch giữa giá chứng khoán hoán đổi lại và giá vốn cho năm 29/10/2020 đến ngày 31/12/2021
		VND	VND	VND	VND
Lãi bán các khoản đầu tư Cổ phiếu niêm yết	1.430.593	68.682.665.000	68.306.765.897	375.899.103	21.705.052.691
Lãi giao dịch chứng khoán trong giao dịch chứng khoán đổi chứng chỉ quỹ	6.441.000	189.563.258.000	227.585.888.238	(38.022.630.238)	20.226.641.245
Cổ phiếu niêm yết	7.871.593	258.245.923.000	295.892.654.135	(37.646.731.135)	41.931.693.936

7. CHÉNH LỆCH TĂNG ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN

	Giá trị mua theo sổ kế toán VND	Giá trị trường/ giá trị hợp lý VND	Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ VND	Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu kỳ VND	Chênh lệch điều chỉnh số kế toán năm nay VND
Cổ phiếu niêm yết	399.141.208.465	331.970.764.900	(67.170.443.565)	159.656.643.500	(226.827.087.065)
	399.141.208.465	331.970.764.900	(67.170.443.565)	159.656.643.500	(226.827.087.065)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 VND	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 29/10/2020 đến ngày 31/12/2021 VND
Phí môi giới mua	75.939.574	127.415.468
Phí môi giới bán	84.421.479	149.401.644
	160.361.053	276.817.112

9. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 VND	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 29/10/2020 đến ngày 31/12/2021 VND
Thù lao Ban Đại diện quỹ	60.000.000	65.000.000
Phí thiết lập quỹ trả cho UBCK	-	15.000.000
Phí thực hiện quyền trả cho VSD	33.400.000	20.000.000
Phí đăng ký niêm yết bổ sung trả cho VSD	6.500.000	-
Phí quản lý thường niên trả cho UBCK	12.500.000	2.500.000
Phí ngân hàng	2.484.821	2.858.104
	114.884.821	105.358.104

10. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Tiền gửi ngân hàng	373.632.913	780.507.073
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ tại Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	373.632.913	780.507.073
	373.632.913	780.507.073

Quỹ ETF MAFM VN30

B06-ETF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẬN

STT	Cổ phiếu	Giá mua VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại VND
				Tăng VND	Giảm VND	
Cổ phiếu niêm yết						
1	ACB	27.609.198.271	21.691.402.500	-	(5.917.795.771)	21.691.402.500
2	BID	2.432.010.045	2.699.452.400	267.442.355	-	2.699.452.400
3	BVH	1.434.258.498	1.188.300.000	-	(245.958.498)	1.188.300.000
4	CTG	7.146.861.649	6.781.734.750	-	(365.126.899)	6.781.734.750
5	FPT	18.657.125.159	24.704.894.000	6.047.768.841	-	24.704.894.000
6	GAS	2.944.269.748	3.398.220.000	453.950.252	-	3.398.220.000
7	GVR	1.819.641.083	759.000.000	-	(1.060.641.083)	759.000.000
8	HDB	10.615.977.670	9.723.534.700	-	(892.442.970)	9.723.534.700
9	HPG	28.865.923.969	19.905.174.000	-	(8.960.749.969)	19.905.174.000
10	KDH	4.693.711.219	4.270.236.500	-	(423.474.719)	4.270.236.500
11	MBB	15.054.207.419	14.744.338.200	-	(309.869.219)	14.744.338.200
12	MSN	19.234.352.648	20.566.392.000	1.332.039.352	-	20.566.392.000
13	MWG	18.672.046.223	16.320.876.000	-	(2.351.170.223)	16.320.876.000
14	NVL	15.525.190.690	3.789.282.000	-	(11.735.908.690)	3.789.282.000
15	PDR	4.046.510.864	1.271.219.200	-	(2.775.291.664)	1.271.219.200
16	PLX	2.258.565.582	1.391.630.000	-	(866.935.582)	1.391.630.000
17	POW	2.134.553.180	1.724.235.000	-	(410.318.180)	1.724.235.000
18	ROS	71.883	75.300	3.417	-	75.300
19	SAB	3.919.002.106	4.022.290.000	103.287.894	-	4.022.290.000
20	SSI	8.248.068.408	6.403.789.200	-	(1.844.279.208)	6.403.789.200
21	STB	13.127.116.141	14.632.200.000	1.505.083.859	-	14.632.200.000
22	TCB	28.258.396.593	20.391.514.000	-	(7.866.882.593)	20.391.514.000
23	TPB	7.002.889.469	6.357.415.750	-	(645.473.719)	6.357.415.750
24	VCB	13.500.410.486	14.299.520.000	799.109.514	-	14.299.520.000
25	VHM	27.403.370.898	18.086.592.000	-	(9.316.778.898)	18.086.592.000
26	VIB	10.618.904.419	7.609.500.000	-	(3.009.404.419)	7.609.500.000
27	VIC	29.392.573.459	17.699.877.200	-	(11.692.696.259)	17.699.877.200
28	VJC	11.514.894.153	10.252.485.000	-	(1.262.409.153)	10.252.485.000
29	VNM	28.661.608.992	22.012.686.000	-	(6.648.922.992)	22.012.686.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẬN (tiếp theo)

STT	Cổ phiếu	Chênh lệch đánh giá lại				Giá trị đánh giá lại VND
		Giá mua VND	Giá trị hợp lý VND	Tăng VND	Giảm VND	
Cổ phiếu niêm yết						
30	VPB	24.938.856.976	27.017.329.200	2.078.472.224	-	27.017.329.200
31	VRE	9.410.640.565	8.255.570.000	-	(1.155.070.565)	8.255.570.000
Tổng cộng		399.141.208.465	331.970.764.900	12.587.157.708	(79.757.601.273)	331.970.764.900

12. TỶ LỆ GIAO DỊCH QUA TỪNG CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

Chi tiết giá trị giao dịch và chi phí giao dịch theo từng công ty môi giới chính trong năm như sau:

Tỷ lệ giao dịch của Quỹ tại từng công ty chứng khoán

STT	Các công ty chứng khoán có giá trị giao dịch vượt quá 5% tổng giá trị giao dịch của Quỹ trong năm	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ	Giá trị giao dịch trong năm của Quỹ VND	Tổng giá trị giao dịch trong năm chứng khoán của Quỹ VND	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ	
					trong năm %	Giá dịch vụ giao dịch bình quân %
I	Giao dịch cổ phiếu					
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS)	Cùng tập đoàn	25.714.185.000	131.907.605.100	19,49%	0,12
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam (BSC)	Không liên quan	38.403.554.000	131.907.605.100	29,11%	0,12
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC)	Không liên quan	14.446.809.000	131.907.605.100	10,95%	0,12
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (KIS)	Không liên quan	6.906.415.000	131.907.605.100	5,24%	0,15
5	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC)	Không liên quan	22.074.875.000	131.907.605.100	16,74%	0,12
6	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (VCSC)	Không liên quan	24.361.767.100	131.907.605.100	18,47%	0,12
Tổng cộng			131.907.605.100	131.907.605.100	100,00%	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Phải thu và dự thu cổ tức chưa đến ngày nhận	469.964.000	592.668.800
	469.964.000	592.668.800

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Phải trả phí kiểm toán	82.500.000	55.000.000
	82.500.000	55.000.000

15. PHẢI TRẢ PHÍ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ ETF

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Phải trả phí dịch vụ quản lý (<i>Thuyết minh 21.1</i>)	184.590.971	348.669.094
Phải trả phí dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV)	135.307.018	169.285.130
Phải trả phí dịch vụ cấp quyền sử dụng chỉ số	135.307.018	169.285.130
Phải trả phí dịch vụ lưu ký	15.382.581	29.055.757
Phải trả phí dịch vụ lưu ký – giao dịch chứng khoán	3.300.000	4.700.000
Phải trả phí dịch vụ giám sát	6.768.338	12.784.534
Phải trả phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	16.500.000	16.500.000
Phải trả phí dịch vụ quản trị Quỹ ETF (<i>Thuyết minh 21.2</i>)	10.152.505	19.176.801
	507.308.431	769.456.446

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Phải trả phí quản lý quỹ thường niên cho UBCK	-	2.500.000
	-	2.500.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VỐN GÓP CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Biến động vốn góp trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

	<i>Đơn vị</i>	<i>31/12/2021</i>	<i>Phát sinh trong năm</i>	<i>31/12/2022</i>
Vốn góp phát hành				
Số lượng	CCQ	43.700.000	6.000.000	49.700.000
Giá trị ghi theo mệnh giá	VND	437.000.000.000	60.000.000.000	497.000.000.000
Thặng dư vốn	VND	143.212.093.084	35.993.390.698	179.205.483.782
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	VND	580.212.093.084	95.993.390.698	676.205.483.782
Vốn góp hoán đổi lại				
Số lượng	CCQ	(5.200.000)	(16.400.000)	(21.600.000)
Giá trị ghi theo mệnh giá	VND	(52.000.000.000)	(164.000.000.000)	(216.000.000.000)
Thặng dư vốn	VND	(39.431.769.057)	(30.298.374.611)	(69.730.143.668)
Tổng giá trị hoán đổi lại chứng chỉ quỹ	VND	(91.431.769.057)	(194.298.374.611)	(285.730.143.668)
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	CCQ	38.500.000	(10.400.000)	28.100.000
Giá trị vốn góp hiện hành	VND	488.780.324.027	(98.304.983.913)	390.475.340.114
Lãi lũy kế	VND	205.175.071.400	(263.425.858.132)	(58.250.786.732)
Giá trị tài sản ròng hiện hành	VND	693.955.395.427	(361.730.842.045)	332.224.553.382
Giá trị tài sản ròng/1 lô chứng chỉ quỹ	VND	1.802.481.547	(620.187.762)	1.182.293.784
Giá trị tài sản ròng hiện hành/1 chứng chỉ quỹ	VND/ CCQ	18.024,81	(6.201,88)	11.822,93

18. (LỖ)/LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 29/10/2020 đến ngày 31/12/2021</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ	205.175.071.400	-
Lỗ/Lợi nhuận thuần trong kỳ	(263.425.858.132)	205.175.071.400
- (Lỗ)/Lợi nhuận đã thực hiện	(36.598.771.067)	45.518.427.900
- (Lỗ)/Lợi nhuận chưa thực hiện	(226.827.087.065)	159.656.643.500
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	(58.250.786.732)	205.175.071.400

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

STT	Ngày NAV	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng	Giá trị tài sản ròng	Tăng/(Giảm) giá
			chứng chỉ quỹ CCQ	/1 chứng chỉ quỹ VND	trị tài sản ròng/ 1 chứng chỉ quỹ VND
	31/12/2021	693.955.395.427	38.500.000	18.024,81	
1	03/01/2022	693.907.786.196	38.500.000	18.023,57	(1,24)
2	04/01/2022	704.352.948.808	38.500.000	18.294,88	271,31
3	05/01/2022	698.528.635.826	38.500.000	18.143,60	(151,28)
4	06/01/2022	698.032.653.285	38.500.000	18.130,71	(12,89)
5	09/01/2022	692.319.155.224	38.500.000	17.982,31	(148,40)
6	10/01/2022	684.954.576.621	38.500.000	17.791,02	(191,29)
7	11/01/2022	678.182.309.185	38.500.000	17.615,12	(175,90)
8	12/01/2022	691.851.359.475	38.500.000	17.970,16	355,04
9	13/01/2022	690.208.725.993	38.500.000	17.927,49	(42,67)
10	16/01/2022	688.862.247.616	38.500.000	17.892,52	(34,97)
11	17/01/2022	668.545.487.121	38.500.000	17.364,81	(527,71)
12	18/01/2022	667.828.789.683	38.500.000	17.346,20	(18,61)
13	19/01/2022	670.294.018.174	38.500.000	17.410,23	64,03
14	20/01/2022	674.911.781.769	38.500.000	17.530,17	119,94
15	23/01/2022	679.086.755.586	38.500.000	17.638,61	108,44
16	24/01/2022	665.143.231.530	38.500.000	17.276,44	(362,17)
17	25/01/2022	685.377.558.050	38.500.000	17.802,01	525,57
18	26/01/2022	689.497.172.758	38.500.000	17.909,01	107,00
19	27/01/2022	685.530.953.594	38.500.000	17.805,99	(103,02)
20	31/01/2022	692.529.182.944	38.500.000	17.987,77	181,78
21	03/02/2022	692.481.559.215	38.500.000	17.986,53	(1,24)
22	06/02/2022	692.433.938.637	38.500.000	17.985,29	(1,24)
23	07/02/2022	696.406.225.776	38.500.000	18.088,47	103,18
24	08/02/2022	700.417.517.794	38.500.000	18.192,66	104,19
25	09/02/2022	701.464.039.337	38.500.000	18.219,84	27,18
26	10/02/2022	699.866.814.868	38.500.000	18.178,35	(41,49)
27	13/02/2022	698.451.945.536	38.500.000	18.141,60	(36,75)
28	14/02/2022	679.999.578.576	38.500.000	17.662,32	(479,28)
29	15/02/2022	690.045.287.158	38.500.000	17.923,25	260,93
30	16/02/2022	687.368.221.182	38.500.000	17.853,72	(69,53)
31	17/02/2022	695.947.547.786	38.500.000	18.076,55	222,83
32	20/02/2022	691.819.771.796	38.500.000	17.969,34	(107,21)
33	21/02/2022	692.673.166.828	38.500.000	17.991,51	22,17
34	22/02/2022	692.190.012.007	38.500.000	17.978,96	(12,55)
35	23/02/2022	695.092.869.362	38.500.000	18.054,36	75,40
36	24/02/2022	687.504.471.480	38.500.000	17.857,25	(197,11)
37	27/02/2022	689.470.954.958	38.500.000	17.908,33	51,08
38	28/02/2022	685.248.559.233	38.500.000	17.798,66	(109,67)
39	01/03/2022	686.558.739.152	38.500.000	17.832,69	34,03
40	02/03/2022	676.883.871.650	38.500.000	17.581,39	(251,30)
41	03/03/2022	687.647.872.047	38.500.000	17.860,98	279,59
42	06/03/2022	688.885.160.808	38.500.000	17.893,12	32,14
43	07/03/2022	681.605.828.615	38.500.000	17.704,04	(189,08)
44	08/03/2022	673.034.309.919	38.500.000	17.481,41	(222,63)
45	09/03/2022	672.605.999.970	38.500.000	17.470,28	(11,13)
46	10/03/2022	673.034.705.913	38.500.000	17.481,42	11,14
47	13/03/2022	667.079.166.748	38.500.000	17.326,73	(154,69)
48	14/03/2022	659.828.862.501	38.500.000	17.138,41	(188,32)
49	15/03/2022	663.330.519.249	38.500.000	17.229,36	90,95
50	16/03/2022	665.032.693.530	38.500.000	17.273,57	44,21
51	17/03/2022	663.765.943.301	38.500.000	17.240,67	(32,90)
52	20/03/2022	666.886.476.292	38.500.000	17.321,72	81,05

HÀNG CHỨNG CHỈ QUỸ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

STT	Ngày NAV	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	Giá trị tài sản ròng /1 chứng chỉ quỹ VND	Tăng/(Giảm) giá trị tài sản ròng/ 1 chứng chỉ quỹ VND
53	21/03/2022	678.473.602.431	38.500.000	17.622,69	300,97
54	22/03/2022	683.297.240.634	38.500.000	17.747,98	125,29
55	23/03/2022	679.760.879.480	38.500.000	17.656,12	(91,86)
56	24/03/2022	676.067.062.717	38.500.000	17.560,18	(95,94)
57	27/03/2022	676.430.774.621	38.500.000	17.569,63	9,45
58	28/03/2022	670.010.929.607	38.500.000	17.402,88	(166,75)
59	29/03/2022	677.398.431.407	38.500.000	17.594,76	191,88
60	30/03/2022	677.228.333.359	38.500.000	17.590,34	(4,42)
61	31/03/2022	680.959.398.408	38.500.000	17.687,25	96,91
62	03/04/2022	696.216.393.798	38.500.000	18.083,54	396,29
63	04/04/2022	698.715.069.214	38.500.000	18.148,44	64,90
64	05/04/2022	694.710.750.994	38.500.000	18.044,43	(104,01)
65	06/04/2022	702.772.860.264	38.500.000	18.253,84	209,41
66	07/04/2022	695.925.659.051	38.500.000	18.075,99	(177,85)
67	11/04/2022	687.899.178.388	38.500.000	17.867,51	(208,48)
68	12/04/2022	680.167.276.179	38.500.000	17.666,68	(200,83)
69	13/04/2022	688.356.184.064	38.500.000	17.879,38	212,70
70	14/04/2022	685.013.515.323	38.500.000	17.792,55	(86,83)
71	17/04/2022	674.017.577.082	38.500.000	17.506,95	(285,60)
72	18/04/2022	662.508.608.391	38.500.000	17.208,01	(298,94)
73	19/04/2022	650.026.621.794	38.500.000	16.883,80	(324,21)
74	20/04/2022	647.703.469.834	38.500.000	16.823,46	(60,34)
75	21/04/2022	643.784.476.995	38.500.000	16.721,67	(101,79)
76	24/04/2022	678.690.745.636	40.100.000	16.924,95	203,28
77	25/04/2022	666.091.048.340	41.600.000	16.011,80	(913,15)
78	26/04/2022	680.944.488.866	41.600.000	16.368,85	357,05
79	27/04/2022	683.446.281.341	41.600.000	16.428,99	60,14
80	28/04/2022	682.883.899.169	41.600.000	16.415,47	(13,52)
81	30/04/2022	707.402.048.807	42.600.000	16.605,68	190,21
82	03/05/2022	707.353.549.887	42.600.000	16.604,54	(1,14)
83	04/05/2022	693.648.893.980	42.600.000	16.282,83	(321,71)
84	05/05/2022	700.845.228.555	42.600.000	16.451,76	168,93
85	08/05/2022	685.223.433.215	42.600.000	16.085,05	(366,71)
86	09/05/2022	655.735.766.136	42.600.000	15.392,85	(692,20)
87	10/05/2022	671.383.701.093	42.600.000	15.760,18	367,33
88	11/05/2022	673.544.997.332	42.600.000	15.810,91	50,73
89	12/05/2022	638.599.829.446	42.600.000	14.990,60	(820,31)
90	15/05/2022	610.637.478.460	42.600.000	14.334,21	(656,39)
91	16/05/2022	606.296.267.440	42.600.000	14.232,30	(101,91)
92	17/05/2022	638.424.303.177	42.600.000	14.986,48	754,18
93	18/05/2022	641.830.419.191	42.600.000	15.066,44	79,96
94	19/05/2022	640.391.023.802	42.600.000	15.032,65	(33,79)
95	22/05/2022	639.828.398.587	42.600.000	15.019,44	(13,21)
96	23/05/2022	626.269.074.310	42.600.000	14.701,15	(318,29)
97	24/05/2022	634.907.388.837	42.600.000	14.903,92	202,77
98	25/05/2022	653.835.845.118	42.600.000	15.348,25	444,33
99	26/05/2022	653.218.914.255	42.600.000	15.333,77	(14,48)
100	29/05/2022	666.228.978.098	42.600.000	15.639,17	305,40
101	30/05/2022	669.802.087.990	42.600.000	15.723,05	83,88
102	31/05/2022	665.933.262.449	42.600.000	15.632,23	(90,82)
103	01/06/2022	667.356.994.592	42.600.000	15.665,65	33,42
104	02/06/2022	662.351.420.068	42.600.000	15.548,15	(117,50)
105	05/06/2022	663.264.377.454	42.600.000	15.569,58	21,43

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

STT	Ngày NAV	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	Giá trị tài sản ròng /1 chứng chỉ quỹ VND	Tăng/(Giảm) giá trị tài sản ròng/ 1 chứng chỉ quỹ VND
106	06/06/2022	663.071.509.949	42.600.000	15.565,05	(4,53)
107	07/06/2022	661.992.262.945	42.600.000	15.539,72	(25,33)
108	08/06/2022	670.795.441.086	42.600.000	15.746,37	206,65
109	09/06/2022	671.223.832.704	42.600.000	15.756,42	10,05
110	12/06/2022	662.575.585.615	42.600.000	15.553,41	(203,01)
111	13/06/2022	630.600.498.018	42.600.000	14.802,82	(750,59)
112	14/06/2022	630.743.039.376	42.600.000	14.806,17	3,35
113	15/06/2022	626.697.918.101	42.600.000	14.711,21	(94,96)
114	16/06/2022	640.297.319.736	42.600.000	15.030,45	319,24
115	19/06/2022	629.753.280.311	42.600.000	14.782,94	(247,51)
116	20/06/2022	613.531.445.504	42.600.000	14.402,14	(380,80)
117	21/06/2022	613.007.685.641	42.600.000	14.389,85	(12,29)
118	22/06/2022	614.692.463.498	42.600.000	14.429,40	39,55
119	23/06/2022	621.460.405.788	42.600.000	14.588,27	158,87
120	26/06/2022	618.858.672.845	42.600.000	14.527,19	(61,08)
121	27/06/2022	629.453.069.605	42.600.000	14.775,89	248,70
122	28/06/2022	637.842.592.281	42.600.000	14.972,83	196,94
123	29/06/2022	637.823.452.329	42.600.000	14.972,38	(0,45)
124	30/06/2022	625.535.438.742	42.600.000	14.683,93	(288,45)
125	03/07/2022	627.162.032.946	42.600.000	14.722,11	38,18
126	04/07/2022	625.601.549.393	42.600.000	14.685,48	(36,63)
127	05/07/2022	622.426.133.775	42.600.000	14.610,94	(74,54)
128	06/07/2022	608.390.567.765	42.600.000	14.281,46	(329,48)
129	07/07/2022	617.037.656.340	42.600.000	14.484,45	202,99
130	10/07/2022	618.151.510.209	42.600.000	14.510,59	26,14
131	11/07/2022	606.849.499.003	42.600.000	14.245,29	(265,30)
132	12/07/2022	612.064.346.770	42.600.000	14.367,70	122,41
133	13/07/2022	610.795.873.209	42.600.000	14.337,93	(29,77)
134	14/07/2022	613.285.963.580	42.600.000	14.396,38	58,45
135	17/07/2022	612.345.017.407	42.600.000	14.374,29	(22,09)
136	18/07/2022	609.389.740.958	42.600.000	14.304,92	(69,37)
137	19/07/2022	608.077.314.864	42.600.000	14.274,11	(30,81)
138	20/07/2022	615.036.602.774	42.600.000	14.437,47	163,36
139	21/07/2022	619.850.492.711	42.600.000	14.550,48	113,01
140	24/07/2022	616.591.844.981	42.600.000	14.473,98	(76,50)
141	25/07/2022	613.451.526.299	42.600.000	14.400,27	(73,71)
142	26/07/2022	611.379.561.864	42.600.000	14.351,63	(48,64)
143	27/07/2022	611.832.197.146	42.600.000	14.362,25	10,62
144	28/07/2022	620.193.390.020	42.600.000	14.558,53	196,28
145	31/07/2022	618.283.823.381	42.600.000	14.513,70	(44,83)
146	01/08/2022	630.168.014.711	42.600.000	14.792,67	278,97
147	02/08/2022	634.878.594.549	42.600.000	14.903,25	110,58
148	03/08/2022	637.051.931.043	42.600.000	14.954,27	51,02
149	04/08/2022	640.989.804.995	42.600.000	15.046,70	92,43
150	07/08/2022	638.108.206.760	42.600.000	14.979,06	(67,64)
151	08/08/2022	640.415.295.234	42.600.000	15.033,22	54,16
152	09/08/2022	642.776.163.938	42.600.000	15.088,64	55,42
153	10/08/2022	640.617.973.195	42.600.000	15.037,98	(50,66)
154	11/08/2022	638.185.024.310	42.600.000	14.980,86	(57,12)
155	14/08/2022	642.459.658.339	42.600.000	15.081,21	100,35
156	15/08/2022	648.867.493.399	42.600.000	15.231,63	150,42
157	16/08/2022	649.507.925.432	42.600.000	15.246,66	15,03
158	17/08/2022	652.139.859.268	42.600.000	15.308,44	61,78

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

STT	Ngày NAV	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng	Giá trị tài sản ròng	Tăng/(Giảm) giá
			chứng chỉ quỹ CCQ	/1 chứng chỉ quỹ VND	trị tài sản ròng/ 1 chứng chỉ quỹ VND
159	18/08/2022	674.842.377.524	44.100.000	15.302,54	(5,90)
160	21/08/2022	672.203.086.068	44.100.000	15.242,70	(59,84)
161	22/08/2022	667.291.415.581	44.100.000	15.131,32	(111,38)
162	23/08/2022	670.670.876.613	44.100.000	15.207,95	76,63
163	24/08/2022	673.439.324.465	44.100.000	15.270,73	62,78
164	25/08/2022	681.283.118.489	44.100.000	15.448,59	177,86
165	28/08/2022	678.779.236.548	44.100.000	15.391,81	(56,78)
166	29/08/2022	671.720.556.428	44.100.000	15.231,75	(160,06)
167	30/08/2022	674.243.866.554	44.100.000	15.288,97	57,22
168	31/08/2022	675.939.380.271	44.100.000	15.327,42	38,45
169	01/09/2022	675.923.896.551	44.100.000	15.327,07	(0,35)
170	04/09/2022	675.877.446.497	44.100.000	15.326,01	(1,06)
171	05/09/2022	674.152.759.892	44.100.000	15.286,91	(39,10)
172	06/09/2022	674.612.199.952	44.100.000	15.297,32	10,41
173	07/09/2022	658.963.539.249	44.100.000	14.942,48	(354,84)
174	08/09/2022	657.191.561.579	44.100.000	14.902,30	(40,18)
175	11/09/2022	662.372.958.198	44.100.000	15.019,79	117,49
176	12/09/2022	662.338.952.686	44.100.000	15.019,02	(0,77)
177	13/09/2022	660.702.543.529	44.100.000	14.981,91	(37,11)
178	14/09/2022	654.666.510.221	44.100.000	14.845,04	(136,87)
179	15/09/2022	655.654.610.646	44.100.000	14.867,45	22,41
180	18/09/2022	650.398.865.176	44.100.000	14.748,27	(119,18)
181	19/09/2022	638.492.511.516	44.100.000	14.478,28	(269,99)
182	20/09/2022	644.287.488.898	44.100.000	14.609,69	131,41
183	21/09/2022	637.594.089.003	44.100.000	14.457,91	(151,78)
184	22/09/2022	637.962.753.678	44.100.000	14.466,27	8,36
185	25/09/2022	630.892.263.288	44.100.000	14.305,94	(160,33)
186	26/09/2022	616.246.575.070	44.100.000	13.973,84	(332,10)
187	27/09/2022	613.762.429.906	44.100.000	13.917,51	(56,33)
188	28/09/2022	602.430.579.822	44.100.000	13.660,55	(256,96)
189	29/09/2022	595.554.714.614	44.100.000	13.504,64	(155,91)
190	30/09/2022	597.914.081.175	44.100.000	13.558,14	53,50
191	02/10/2022	597.886.578.004	44.100.000	13.557,51	(0,63)
192	03/10/2022	571.914.717.279	44.100.000	12.968,58	(588,93)
193	04/10/2022	569.678.362.276	44.100.000	12.917,87	(50,71)
194	05/10/2022	579.872.663.234	44.100.000	13.149,03	231,16
195	06/10/2022	561.164.492.709	44.100.000	12.724,81	(424,22)
196	09/10/2022	539.420.158.434	44.100.000	12.231,74	(493,07)
197	10/10/2022	539.090.873.297	44.100.000	12.224,28	(7,46)
198	11/10/2022	519.746.587.705	44.100.000	11.785,63	(438,65)
199	12/10/2022	537.022.292.908	44.100.000	12.177,37	391,74
200	13/10/2022	545.473.564.198	44.100.000	12.369,01	191,64
201	16/10/2022	550.702.767.316	44.100.000	12.487,59	118,58
202	17/10/2022	540.860.594.487	43.900.000	12.320,28	(167,31)
203	18/10/2022	546.976.580.027	43.900.000	12.459,60	139,32
204	19/10/2022	544.167.954.864	43.900.000	12.395,62	(63,98)
205	20/10/2022	546.433.048.532	44.100.000	12.390,77	(4,85)
206	23/10/2022	524.245.221.364	44.100.000	11.887,64	(503,13)
207	24/10/2022	505.191.604.033	44.100.000	11.455,59	(432,05)
208	25/10/2022	514.335.280.639	44.100.000	11.662,93	207,34
209	26/10/2022	513.746.160.826	44.100.000	11.649,57	(13,36)
210	27/10/2022	531.080.157.013	43.900.000	12.097,49	447,92
211	30/10/2022	531.551.873.773	43.900.000	12.108,24	10,75

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

STT	Ngày NAV	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	Giá trị tài sản ròng /1 chứng chỉ quỹ VND	Tăng/(Giảm) giá trị tài sản ròng/ 1 chứng chỉ quỹ VND
212	31/10/2022	530.171.380.798	43.900.000	12.076,79	(31,45)
213	01/11/2022	432.227.022.343	35.400.000	12.209,80	133,01
214	02/11/2022	426.826.180.145	35.400.000	12.057,23	(152,57)
215	03/11/2022	426.195.320.210	35.400.000	12.039,41	(17,82)
216	06/11/2022	415.287.421.021	35.400.000	11.731,28	(308,13)
217	07/11/2022	405.040.790.200	35.400.000	11.441,83	(289,45)
218	08/11/2022	407.961.335.796	35.400.000	11.524,33	82,50
219	09/11/2022	407.813.008.607	35.400.000	11.520,14	(4,19)
220	10/11/2022	389.950.075.021	35.400.000	11.015,53	(504,61)
221	13/11/2022	394.939.876.506	35.400.000	11.156,49	140,96
222	14/11/2022	390.806.276.721	35.500.000	11.008,62	(147,87)
223	15/11/2022	377.628.572.689	35.500.000	10.637,42	(371,20)
224	16/11/2022	393.543.798.643	35.600.000	11.054,60	417,18
225	17/11/2022	406.405.053.837	35.600.000	11.415,87	361,27
226	20/11/2022	406.437.654.780	35.600.000	11.416,78	0,91
227	21/11/2022	400.437.689.086	35.600.000	11.248,24	(168,54)
228	22/11/2022	378.985.577.703	34.100.000	11.113,94	(134,30)
229	23/11/2022	360.782.929.142	32.700.000	11.033,11	(80,83)
230	24/11/2022	361.551.962.183	32.700.000	11.056,63	23,52
231	27/11/2022	371.886.636.084	32.700.000	11.372,68	316,05
232	28/11/2022	386.042.154.138	32.700.000	11.805,57	432,89
233	29/11/2022	362.928.004.227	30.000.000	12.097,60	292,03
234	30/11/2022	370.019.857.457	30.000.000	12.333,99	236,39
235	01/12/2022	367.685.467.456	30.000.000	12.256,18	(77,81)
236	04/12/2022	385.409.573.670	30.000.000	12.846,98	590,80
237	05/12/2022	391.728.046.661	30.000.000	13.057,60	210,62
238	06/12/2022	371.666.537.966	30.000.000	12.388,88	(668,72)
239	07/12/2022	369.372.998.203	30.000.000	12.312,43	(76,45)
240	08/12/2022	374.702.439.362	30.000.000	12.490,08	177,65
241	11/12/2022	375.502.554.363	30.000.000	12.516,75	26,67
242	12/12/2022	365.744.641.326	30.000.000	12.191,48	(325,27)
243	13/12/2022	372.433.587.564	30.000.000	12.414,45	222,97
244	14/12/2022	372.334.288.941	30.000.000	12.411,14	(3,31)
245	15/12/2022	376.525.513.878	30.000.000	12.550,85	139,71
246	18/12/2022	375.087.218.161	30.000.000	12.502,90	(47,95)
247	19/12/2022	370.195.668.004	30.000.000	12.339,85	(163,05)
248	20/12/2022	363.046.593.824	30.000.000	12.101,55	(238,30)
249	21/12/2022	364.203.734.523	30.000.000	12.140,12	38,57
250	22/12/2022	343.267.779.573	28.100.000	12.215,93	75,81
251	25/12/2022	341.846.765.634	28.100.000	12.165,36	(50,57)
252	26/12/2022	326.516.954.376	28.100.000	11.619,82	(545,54)
253	27/12/2022	332.988.495.230	28.100.000	11.850,12	230,30
254	28/12/2022	335.149.896.375	28.100.000	11.927,04	76,92
255	29/12/2022	333.276.175.589	28.100.000	11.860,36	(66,68)
256	31/12/2022	332.224.553.382	28.100.000	11.822,93	(37,43)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022:	601.159.715.113
Biến động giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ trong năm	
▶ Mức cao nhất trong năm (VND)	913,15
▶ Mức thấp nhất trong năm (VND)	0,35

20. SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH

	<i>31/12/2022</i>	<i>31/12/2021</i>
	<i>chứng chỉ quỹ</i>	<i>chứng chỉ quỹ</i>
Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	<u>28.100.000,00</u>	<u>38.500.000,00</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC

21.1 Các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 29/10/2020 đến ngày 31/12/2021
			VND	VND
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)	Công ty Quản lý Quỹ	Phí dịch vụ quản lý	3.624.631.658	3.504.711.931
Ban Đại diện Quỹ	Quản lý Quỹ	Thù lao Ban Đại diện Quỹ	60.000.000	65.000.000

Phí quản lý được tính bằng 0,60% giá trị tài sản ròng một năm và có thể thay đổi khi được Đại hội Nhà đầu tư phê duyệt.

Thù lao của các thành viên của Ban Đại diện Quỹ:

Tên	Chức vụ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 29/10/2020 đến ngày 31/12/2021
		VND	VND
Ông Bùi Nam Giang	Thành viên độc lập, Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ	30.000.000	32.500.000
Bà Lê Thị Hương	Thành viên độc lập, Phó Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ	18.000.000	19.500.000
Bà Trần Thái Phương Diệp	Thành viên	12.000.000	13.000.000
		60.000.000	65.000.000

Số dư trọng yếu với bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	31/12/2022	31/12/2021
			VND	VND
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)	Công ty Quản lý Quỹ	Phí dịch vụ quản lý	184.590.971	348.669.094

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

21.2 Các hợp đồng then chốt khác

Các giao dịch trọng yếu trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 29/10/2020 đến ngày 31/12/2021
			VND	VND
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	Ngân hàng lưu ký giám sát	Phí dịch vụ giám sát	132.903.161	128.505.308
		Phí dịch vụ lưu ký tài sản	345.752.637	338.357.519
		Phí dịch vụ quản trị Quỹ ETF	199.354.745	192.757.960

Số dư trọng yếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	31/12/2022	31/12/2021
			VND	VND
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	Ngân hàng lưu ký giám sát	Tiền gửi ngân hàng	373.632.913	780.507.073
		Phí dịch vụ lưu ký phải trả	18.682.581	33.755.757
		Phí dịch vụ giám sát phải trả	6.768.338	12.784.534
		Phí dịch vụ quản trị Quỹ ETF phải trả	10.152.505	19.176.801

22. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, các khoản phải thu, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Quỹ. Nợ phải trả tài chính của Quỹ chủ yếu bao gồm các khoản phải trả Công ty Quản lý Quỹ, phải trả nhà cung cấp dịch vụ, phải trả cho Nhà đầu tư và phải trả dịch vụ quản lý Quỹ. Quỹ không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty Quản lý Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Lãnh đạo Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Quỹ để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Lãnh đạo xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản chứng khoán đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi của Quỹ. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Quỹ không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do Quỹ có rủi ro lãi suất rất nhỏ tại ngày lập báo cáo tài chính.

Rủi ro tiền tệ

Quỹ không có rủi ro tiền tệ do trong năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, Quỹ không thực hiện các giao dịch bằng ngoại tệ.

Rủi ro về giá cổ phiếu niêm yết

Các cổ phiếu đã niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Quỹ quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Đại diện Quỹ xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Công ty Quản lý Quỹ đánh giá rằng rủi ro tín dụng của Quỹ ở mức thấp vì các khoản tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi và các khoản phải thu là lãi tiền gửi chưa đến hạn tại các Ngân hàng có uy tín hoạt động tại Việt Nam đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quý gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quý chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên đánh giá các yêu cầu về thanh khoản, phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền gửi ngân hàng ở mức mà Công ty quản lý quỹ cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quý và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Quý cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Quý có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để thực hiện các nghĩa vụ hiện tại.

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Dưới 3 tháng		
Chi phí phải trả	82.500.000	55.000.000
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF	507.308.431	769.456.446
Phải trả khác	-	2.500.000
	589.808.431	826.956.446

23. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Quý tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính		
Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	373.632.913	373.632.913
Các khoản đầu tư	399.141.208.465	331.970.764.900
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	469.964.000	469.964.000
	399.984.805.378	332.814.361.813
Nợ phải trả tài chính		
Chi phí phải trả	82.500.000	82.500.000
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	507.308.431	507.308.431
	589.808.431	589.808.431

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quý sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả và phải trả dịch vụ quản lý Quỹ bằng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ▶ Giá trị hợp lý của cổ phiếu được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh số 4.2*.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT

STT	Chỉ tiêu	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 29/10/2020 đến ngày 31/12/2021
1	Tỷ lệ chi phí hoạt động = Tỷ lệ chi phí hoạt động/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	0,89	0,89
2	Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra)/2/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	34,89	77,69



25. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ.

Người lập:

Bà Vũ Thị Thúy Lua
 Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:

Ông Huỳnh Hồng Suk
 Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 03 năm 2023

EY | Building a better working world

EY exists to build a better working world, helping to create long-term value for clients, people and society and build trust in the capital markets.

Enabled by data and technology, diverse EY teams in over 150 countries provide trust through assurance and help clients grow, transform and operate.

Working across assurance, consulting, law, strategy, tax and transactions, EY teams ask better questions to find new answers for the complex issues facing our world today.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2023 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn | ey.com/vi_vn

TỜ TRÌNH

V/v: nội dung họp Đại hội Nhà Đầu tư thường niên năm 2023

QUỸ ETF MAFM VN30 (FUEMA30)

Căn cứ theo Điều lệ Quỹ ETF MAFM VN30 về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên thông qua, Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) xin kính trình Nhà Đầu Tư xem xét và thông qua các vấn đề sau:

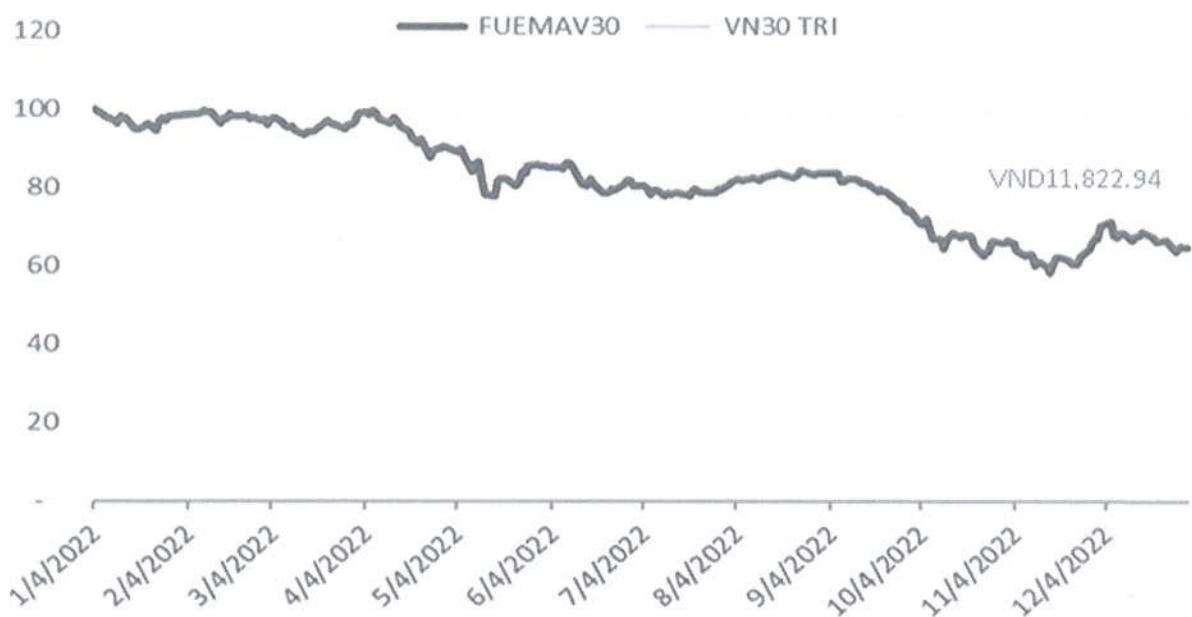
I. Thông qua báo cáo kết quả hoạt động năm 2022 và chiến lược đầu tư của Quỹ năm 2023

1. Báo cáo kết quả hoạt động quỹ năm 2022

- Năm 2022 là một năm có diễn biến không thuận lợi của thị trường chứng khoán Việt Nam, tác động bởi cả yếu tố trong và ngoài nước. Cuộc chiến Nga – Ucraina nổ ra dẫn đến sự gia tăng lạm phát toàn cầu và phản ứng của các nền kinh tế lớn là thực thi chính sách tiền tệ thắt chặt. Điều này đã tác động đến tâm lý của thị trường chứng khoán toàn cầu trong đó có Việt Nam. Trong nước, mặc dù các chỉ số kinh tế vĩ mô của chúng ta khá ấn tượng tuy nhiên trước diễn biến kém thuận lợi của nền kinh tế thế giới, khả năng Việt Nam bị tác động xấu là khó tránh khỏi. Thêm vào đó, các vụ án liên quan đến thao túng giá cổ phiếu và vi phạm trong hoạt động phát hành trái phiếu liên quan đến các tập đoàn bất động sản lớn đã tác động mạnh tới tâm lý thị trường và nhà đầu tư. Chỉ số giá VN30 index khép lại năm 2022 ở mức 1,005.19 giảm 34.55% so với cùng kỳ năm trước.
- Kết thúc ngày 30/12/2022, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ đạt VND11,822.93 giảm 34.41% so với mức giảm 33.8% của chỉ số tham chiếu VN30 tổng thu nhập. Tính từ thời điểm thành lập, giá trị tài sản ròng đạt mức tăng là 11.34% và so với thời điểm kết thúc đợt góp vốn chứng chỉ quỹ có mức tăng 18.23%. Trong khi đó, giá trị thị trường trên một chứng chỉ quỹ tại thời điểm cuối năm là VND11,920.
- Do điều kiện thị trường không thuận lợi, giá trị tài sản ròng của quỹ giảm từ mức VND 693.9 tỷ thời điểm 31/12/2021 còn VND 332.2 tỷ tại ngày 31/12/2022. Việc giảm giá trị tài sản ròng một phần đến từ mức giảm chung của thị trường, một phần đến từ sự rút tiền ròng của các nhà đầu tư. Cụ thể là số lượng chứng chỉ quỹ tăng từ 38.5 triệu đơn vị lên mức cao nhất đạt 44.1 triệu đơn vị khi thị trường có diễn biến tốt nhưng đã giảm về 28.1 triệu chứng chỉ khi thị trường trở xấu.
- Trong năm, quỹ đã có 4 lần tái cơ cấu danh mục và tốc độ vòng quay danh mục đạt 34.89%. Mức sai lệch của Quỹ so với chỉ số tham chiếu (Tracking Error) ở mức 0.27% cao hơn một chút so với thời điểm cuối năm 2021 là 0.21%. Tỷ lệ chi phí năm 2022 ổn định ở mức 0.89%.

Biểu đồ thể hiện kết quả đầu tư của Quỹ so với chỉ số tham chiếu trong năm 2022:





2. Chiến lược đầu tư của Quỹ năm 2023

Để thực hiện mục tiêu của Quỹ ETF MAFM VN30 là mô phỏng gần nhất có thể về biến động của chỉ số tham chiếu VN30, Quỹ ETF MAFM VN30 sẽ tập trung vào những điểm chính như sau:

- Theo dõi diễn biến về giá trị giao dịch, sự kiện doanh nghiệp các cổ phiếu cấu thành nên chỉ số tham chiếu để có những điều chỉnh tỷ trọng danh mục đầu tư bám sát tỷ trọng danh mục chỉ số tham chiếu.
- Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến mức sai lệch giữa Quỹ và chỉ số tham chiếu để có giải pháp quản lý danh mục đạt hiệu quả, tiết giảm chi phí và sự sai lệch với chỉ số tham chiếu.
- Nghiên cứu và thực hiện các chiến lược quản lý danh mục hiệu quả để đảm bảo tối đa quyền lợi của các nhà đầu tư theo các cam kết của Quỹ.

II. Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022

Nhà Đầu Tư vui lòng xem Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 của Quỹ trên trang thông tin điện tử của Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) tại địa chỉ: <https://fundmanagement-miraeasset.com.vn/blogs/tin-tuc-quy-etf-mafm-vn30>

III. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 của Quỹ

Để đảm bảo việc tái đầu tư, gia tăng giá trị tài sản ròng của Quỹ, Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) đề xuất không phân chia lợi nhuận năm 2022 của Quỹ.

IV. Thông qua việc ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ lựa chọn tổ chức kiểm toán cho quỹ năm tài chính 2023

Công ty TNHH Quản lý quỹ Mirae Asset (Việt Nam) đề xuất Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền cho Ban đại diện Quỹ lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Quỹ trong danh sách các Công ty kiểm toán do Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) đề xuất, đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và Điều 49 Điều Lệ Quỹ với mức phí cạnh tranh; thuộc nhóm 4 công ty kiểm toán lớn nhất thế giới (Big4) đang hoạt động tại Việt Nam là PricewaterhouseCoopers (PwC), Ernst & Young (EY), KPMG và Deloitte.

C
 IG T
 ỆM H
 LÝ
 AS
 NA
 M

V. Thông qua ngân sách hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ năm 2023

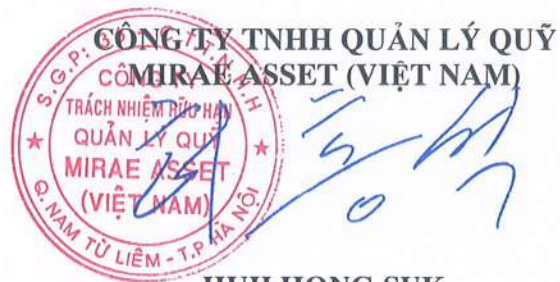
1. Báo cáo chi phí hoạt động năm 2022 của Ban Đại Diện Quỹ

- Tổng chi phí hoạt động thực tế của Ban Đại Diện Quỹ trong năm 2022 là 60.000.000 VNĐ, bao gồm thù lao Ban Đại Diện Quỹ được tính dựa trên cơ cấu Ban Đại Diện gồm 1 Chủ tịch, 2 Thành viên trong đó:
 - Thù lao Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ: 2.500.000 VNĐ/tháng
 - Thù lao Thành viên độc lập Ban Đại Diện Quỹ: 1.500.000 VNĐ/tháng
 - Thù lao Thành viên không độc lập Ban Đại Diện Quỹ: 1.000.000 VNĐ/tháng
- Năm 2022 không phát sinh chi phí liên quan đến hợp Ban Đại Diện Quỹ, do Ban Đại Diện Quỹ chủ yếu hợp trực tuyến hoặc hợp trực tiếp tại trụ sở Công ty Quản Lý Quỹ.

2. Ngân sách hoạt động Ban Đại Diện Quỹ năm 2023:

- Công Ty Quản Lý Quỹ đề xuất thù lao Ban Đại Diện Quỹ năm 2023 vẫn duy trì theo mức đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua năm 2022 với tổng mức chi phí là 60.000.000 VNĐ, được tính dựa trên cơ cấu Ban Đại Diện gồm 1 Chủ tịch, 2 Thành viên. Trong trường hợp số thành viên Ban Đại Diện tăng/giảm thì ngân sách này sẽ được điều chỉnh tăng/giảm tương ứng dựa trên mức ngân sách nêu trên.
- Đối với ngân sách liên quan đến chi phí hợp Ban Đại Diện Quỹ, do Ban Đại Diện chủ yếu hợp trực tuyến hoặc hợp trực tiếp tại trụ sở Công ty Quản Lý Quỹ nên chi phí liên quan đến hợp Ban Đại Diện Quỹ sẽ không đáng kể. Do đó, Công ty Quản Lý Quỹ không đề xuất chi tiết ngân sách chi phí hoạt động liên quan đến các cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ. Chi phí liên quan đến các cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ (nếu có) sẽ được ghi nhận vào báo cáo giá trị tài sản ròng của Quỹ theo số thực tế phát sinh. Chi tiết số liệu liên quan đến chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ năm 2023 (nếu có phát sinh) sẽ được Công ty Quản Lý Quỹ báo cáo cho Ban Đại Diện Quỹ tại cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ quý IV hàng năm và báo cáo tại Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất.

Kính trình Đại Hội Nhà Đầu Tư phê duyệt.
Trân trọng.



HUH HONG SUK
Chủ tịch Công ty





**QUỸ ETF MAFM VN30
ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN TỔ CHỨC NĂM 2023**

QUY CHẾ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

1. Mục đích

Nhằm kết luận chính xác các vấn đề được nêu ra thảo luận và biểu quyết tại Đại Hội.

2. Nguyên tắc biểu quyết

- Chính xác, tuân thủ quy định của pháp luật và của Điều Lệ.
- Số phiếu biểu quyết được tính theo số đơn vị quỹ sở hữu hoặc đại diện sở hữu.
- Kết quả biểu quyết được tính trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà Đầu Tư dự họp tán thành.

3. Cách tiến hành

3.1. Quy định chung:

- Nhà Đầu Tư/người được ủy quyền tham dự Đại Hội có quyền biểu quyết sẽ được phát phiếu biểu quyết trước khi vào tham dự Đại Hội.
- Trên phiếu biểu quyết có các thông tin sau:
 - Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên tổ chức năm 2023
 - Mã số và/hoặc tên Nhà Đầu Tư/số phiếu biểu quyết
 - Phương thức biểu quyết: Đồng ý/Không đồng ý/Không có ý kiến

3.2. Phân loại phiếu biểu quyết:

- Phiếu biểu quyết hợp lệ là phiếu theo mẫu của Ban tổ chức, không tẩy xóa, không cạo sửa. Khi một vấn đề được nêu ra để biểu quyết, mỗi mã số Nhà Đầu Tư/mỗi Nhà Đầu Tư chỉ được sử dụng một phiếu biểu quyết, và chọn một trong ba phương thức biểu quyết nêu trên.
- Phiếu biểu quyết không hợp lệ là phiếu không đáp ứng các quy định của phiếu biểu quyết hợp lệ.

3.3. Tổng hợp kết quả:

- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm tổng hợp, lập biên bản kiểm phiếu, thông báo kết quả biểu quyết cho từng vấn đề.
- Khi tổng hợp kết quả, các phiếu biểu quyết không hợp lệ được tính là không tham gia biểu quyết.
- Biên bản kiểm phiếu phải có các kết quả sau:
 - Tỷ lệ số phiếu biểu quyết đồng ý trên tổng số phiếu biểu quyết của các Nhà Đầu Tư dự họp và/hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền tại cuộc họp.
 - Tỷ lệ số phiếu biểu quyết không đồng ý trên tổng số phiếu biểu quyết của các Nhà Đầu Tư dự họp và/hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền tại cuộc họp.
 - Tỷ lệ số phiếu biểu quyết không có ý kiến trên tổng số phiếu biểu quyết của các Nhà Đầu Tư dự họp và/hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền tại cuộc họp.

4. Kết quả biểu quyết

- Kết quả biểu quyết theo phần trăm được làm tròn đến hai (02) số thập phân.



- Các vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua khi có trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của các Nhà Đầu Tư dự họp và/hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền tại cuộc họp tán thành.
- Ngoại trừ các trường hợp biểu quyết để quyết định các vấn đề: thay đổi cơ bản trong chính sách, mục tiêu đầu tư của quỹ quy định tại Điều lệ quỹ; thay đổi mức giá dịch vụ trả cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát; thay đổi công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát; chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể quỹ; thay đổi vốn điều lệ của quỹ đóng; thay đổi thời hạn hoạt động của quỹ thì chỉ được thông qua khi có trên sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư dự họp và/hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền tại cuộc họp tán thành.
- Kết quả biểu quyết được công bố trước khi bế mạc cuộc họp.

5. Hiệu lực

Cách thức biểu quyết nêu trên có hiệu lực ngay sau khi được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua.

TM. Ban Đại Diện Quỹ

Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ

Bùi Nam Giang



PHIẾU BIỂU QUYẾT
QUỸ ETF MAFM VN30 (FUEMAV30)



I. THÔNG TIN VỀ QUỸ

- Tên Quỹ: **QUỸ ETF MAFM VN30**
- Loại hình quỹ: Quỹ hoán đổi danh mục
- Tên tiếng Anh: MAFM VN30 ETF
- Địa chỉ liên hệ: Tầng 38, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Khu E6, Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

II. THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ

- Tên Nhà đầu tư:
- Địa chỉ:
- Quốc tịch:
- Số CMND/CCCD/Hộ chiếu (*): Ngày cấp: Nơi cấp:
- Số GPTL/GPĐKKD (**): Ngày cấp: Nơi cấp:
- Số tài khoản giao dịch:
- Mã số giao dịch chứng khoán (***) do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp
- Tổng số chứng chỉ quỹ sở hữu:

(*): dành cho Nhà Đầu Tư cá nhân (**): dành cho Nhà Đầu Tư tổ chức nhân hoặc tổ chức nước ngoài (***) : dành cho cá nhân

Thông tin yêu cầu bổ sung của Nhà Đầu Tư tổ chức:

Người đại diện theo pháp luật:

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: Ngày cấp: Nơi cấp:

III. MỤC ĐÍCH LẤY Ý KIẾN

Thông qua các vấn đề cần được biểu quyết của Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên tổ chức năm 2023 của Quỹ ETF MAFM VN30.

IV. Ý KIẾN BIỂU QUYẾT

Tôi/ Chúng tôi là Nhà Đầu Tư của Quỹ ETF MAFM VN30 xác nhận ý kiến biểu quyết thông qua được nêu dưới đây là chính xác và không thay đổi trong mọi trường hợp:

- I. Thông qua báo cáo kết quả hoạt động năm 2022 và chiến lược đầu tư của Quỹ năm 2023**
- Đồng ý Không đồng ý Không có ý kiến
- II. Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 của Quỹ**
- Đồng ý Không đồng ý Không có ý kiến
- III. Thông qua phương án không phân phối lợi nhuận của Quỹ năm 2022**
- Đồng ý Không đồng ý Không có ý kiến



IV. Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền cho Ban đại diện Quỹ lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Quỹ trong danh sách các Công ty kiểm toán do Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) đề xuất, đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và Điều 49 Điều Lệ Quỹ với mức phí cạnh tranh; thuộc nhóm 4 công ty kiểm toán lớn nhất thế giới (Big4) đang hoạt động tại Việt Nam là PricewaterhouseCoopers (PwC), Ernst & Young (EY), KPMG và Deloitte.

Đồng ý Không đồng ý Không có ý kiến

V. Thông qua ngân sách hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ năm 2023, cụ thể như sau:

- Thù lao Ban Đại Diện Quỹ vẫn duy trì theo mức đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua năm 2022, được tính dựa trên cơ cấu Ban Đại Diện gồm 1 Chủ tịch, 2 Thành viên, cụ thể như sau:

Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ: 2.500.000 VNĐ/tháng

Thành viên độc lập Ban Đại Diện Quỹ: 1.500.000 VNĐ/tháng

Thành viên Ban Đại Diện Quỹ: 1.000.000 VNĐ/tháng

Trong trường hợp số thành viên Ban Đại Diện tăng/giảm thì ngân sách này sẽ được điều chỉnh tăng/giảm tương ứng dựa trên mức ngân sách nêu trên.

- Ngân sách hoạt động cho phần chi phí liên quan đến họp Ban Đại Diện Quỹ sẽ được ghi nhận vào báo cáo giá trị tài sản ròng của Quỹ theo số thực tế phát sinh. Chi tiết số liệu liên quan đến chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ năm 2023 (nếu có phát sinh) sẽ được Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) báo cáo cho Ban Đại Diện Quỹ tại cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ quý IV hàng năm và báo cáo tại Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất.

Đồng ý Không đồng ý Không có ý kiến

NHÀ ĐẦU TƯ¹

(Ký tên đối với Nhà Đầu Tư cá nhân/Ký tên, đóng dấu đối với Nhà Đầu Tư tổ chức)

Họ và tên:

Chức vụ:

Ngày:

1 Lưu ý: chữ ký của Nhà Đầu Tư phải là chữ ký của chủ sở hữu đơn vị quỹ hoặc người ủy quyền đã đăng ký với Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) hoặc người ủy quyền hợp lệ theo quy định của pháp luật.





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---oOo---

Ngày tháng năm 2023

GIẤY ỦY QUYỀN

(Dành cho người được ủy quyền tham dự họp trực tiếp tại Đại hội)

Kính gửi: Quỹ ETF MAFM VN30 (FUEMAV30)

Tên Nhà đầu tư:

là nhà đầu tư của Quỹ ETF MAFM VN30 (FUEMAV30).

Số CMND/CCCD/GPKD: cấp ngày tại

Email: Điện thoại:

Địa chỉ:

Số tài khoản giao dịch CCQ:

Tổng số chứng chỉ quỹ sở hữu:

Nay, Tôi ủy quyền cho:

1. Ông Huh Hong Suk – Chủ tịch Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)

Hoặc

2. Ông/bà:

Số CMND/CCCD: cấp ngày tại

Địa chỉ:

Được quyền thay thế Tôi/ Công ty tham dự và biểu quyết tại Đại hội Nhà đầu tư thường niên tổ chức năm 2023 của Quỹ ETF MAFM VN30 tổ chức vào ngày 27/04/2023.

Người thụ ủy

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Người ủy quyền

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

.....

.....

*** Nhà đầu tư vui lòng gửi fax và bản chính Giấy Ủy quyền về địa chỉ sau:

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Mirae Asset Việt Nam (MAGEF)

Tầng 38, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Khu E6, Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Tel: +84 24 3564 0666

Fax: +84 24 3564 0555

QUỸ ETF MAFM VN30
-----o0o-----
Số: /2023/NQ-ĐHNĐT-VN30

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc



Ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN TỔ CHỨC NĂM 2023 QUỸ ETF MAFM VN30

- Căn cứ Điều lệ Quỹ ETF MAFM VN30;
- Căn cứ vào Biên bản họp Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên tổ chức năm 2023 số ngày tháng năm 2023.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua báo cáo kết quả hoạt động năm 2022 và chiến lược đầu tư năm 2023 của Quỹ (theo tờ trình đính kèm của Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)).

Điều 2: Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 của Quỹ.

Điều 3: Thông qua phương án không phân phối lợi nhuận của Quỹ năm 2022.

Điều 4: Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền cho Ban đại diện Quỹ lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Quỹ trong danh sách các Công ty kiểm toán do Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) đề xuất, đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và Điều 49 Điều Lệ Quỹ với mức phí cạnh tranh; thuộc nhóm 4 công ty kiểm toán lớn nhất thế giới (Big4) đang hoạt động tại Việt Nam là PricewaterhouseCoopers (PwC), Ernst & Young (EY), KPMG và Deloitte.

Điều 5. Thông qua ngân sách hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ năm 2023, cụ thể như sau:

- Thù lao Ban Đại Diện Quỹ vẫn duy trì theo mức đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua năm 2022, được tính dựa trên cơ cấu Ban Đại Diện gồm 1 Chủ tịch, 2 Thành viên, cụ thể như sau:

Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ: 2.500.000 VNĐ/tháng

Thành viên độc lập Ban Đại Diện Quỹ: 1.500.000 VNĐ/tháng

Thành viên Ban Đại Diện Quỹ: 1.000.000 VNĐ/tháng

Trong trường hợp số thành viên Ban Đại Diện tăng/giảm thì ngân sách này sẽ được điều chỉnh tăng/giảm tương ứng dựa trên mức ngân sách nêu trên.

- Ngân sách hoạt động cho phần chi phí liên quan đến họp Ban Đại Diện Quỹ sẽ được ghi nhận vào báo cáo giá trị tài sản ròng của Quỹ theo số thực tế phát sinh. Chi tiết số liệu liên quan đến chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ năm 2023 (nếu có phát sinh) sẽ được Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) báo cáo cho Ban Đại Diện Quỹ tại cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ quý IV hàng năm và báo cáo tại Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất.

Điều 6. Nghị Quyết có hiệu lực kể từ ngày ký. Thành viên Ban Đại Diện Quỹ, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) và các cá nhân, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị Quyết này.

TM. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ
Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ

ĐẠI DIỆN CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ
Chủ tịch

BÙI NAM GIANG

HUH HONG SUK